TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Địa chỉ: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Mã số DN: 0100106440	
Số: 188 ./2021/LICOGI-CBTT	
(V/v CBTT Báo cáo thường niên 2020)	*Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2021*

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
Digitally signed by TỔNG CÔNG TY LICOGI -CTCP
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Thanh Xuân, CN=TỔNG CÔNG TY LICOGI -CTCP, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100106440
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2021-04-29 20:03:37

Kính gửi: **Ủy ban chứng khoán Nhà nước**
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty: **TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**
Địa chỉ trụ sở chính: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 0243 8542 365
Fax: 0243 8542 655
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phan Thanh Hải
Địa chỉ: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 0905955896
Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Tổng công ty LICOGI-CTCP công bố thông tin về Báo cáo thường niên 2020 của Tổng công ty Licogi – CTCP.

(***Có Báo cáo kèm theo***).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty vào ngày /04/2021 tại đường dẫn: http://www.licogi.com.vn/.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:
- Như đề gửi;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Ban TGĐ (để biết);
- Lưu VP HĐQT.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY LICOGI-CTCP

TỔNG CÔNG TY LICOGI-CTCP

Phan Thanh Hải

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

MỤC LỤC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

1. PHẦN MỞ ĐẦU

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH
TẦM NHÌN, SỨ MỆNH

2.THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN CHUNG
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH
GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO
VỊ THẾ
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
CÁC RỦI RO

3. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ
GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN NGOẠI TRỪ

5. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

6. QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BAN KIỂM SOÁT
GIAO DỊCH, TIỀN LƯƠNG VÀ THÙ LAO CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

7. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG
CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG VÀ MÔI TRƯỜNG

8. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1

PHẦN MỞ ĐẦU

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH

Ông
ĐINH VIỆT TÙNG
Chủ tịch Hội đồng quản trị

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên!

Năm 2020 với nhiều khó khăn do ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19 không chỉ đối với nền kinh tế thế giới nói chung mà còn ảnh hưởng đến toàn ngành Xây dựng nói riêng. Hầu hết các hoạt động sản xuất kinh doanh bị ngưng trệ, doanh nghiệp, người dân đều gặp khó khăn. Cụ thể: trong năm 2020 Việt Nam đã chứng kiến mức tăng trưởng GDP 2020 ở mức thấp nhất trong vòng 20 năm qua đạt 2,91%, lạm phát bình quân đạt 3,23%. Dù vậy, Việt Nam vẫn trở thành một trong số ít quốc gia hiếm hoi trên thế giới vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng dương. Thành quả trên đến từ những nỗ lực chống dịch của Chính phủ, cùng với chính sách mở rộng tiền tệ và tài khóa phù hợp, giúp hỗ trợ tăng trưởng kinh tế nhưng vẫn kiểm soát tốt lạm phát và duy trì tỷ giá ổn định.

Ngành Xây dựng Việt Nam là Ngành có tính chu kỳ cao có những giai đoạn tăng – giảm tốc đan xen. Theo Tổng cục Thống kê cho biết, năm 2020 ngành Xây dựng cả nước tăng trưởng 6,76%. Mức tăng trưởng 6,76% là mức tăng trưởng thấp nhất trong giai đoạn phát triển 2016 – 2020, tuy nhiên, tính trong chu kỳ 10 năm, mức 6,76% vẫn còn cao hơn tăng trưởng ngành những năm khó khăn 2011 – 2013. Đồng thời, năm nay ngành Xây dựng diễn ra sự thanh lọc mạnh mẽ, thể hiện ở số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường trong ngắn hạn và số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong năm 2020 gần tương đương.

Vượt qua những và khó khăn của nền kinh tế trong giai đoạn vừa qua, Tổng Công ty LICOGI vẫn duy trì được kết quả kinh doanh trong năm 2020 tương đối tốt: Doanh thu thuần đạt 2.187.968 triệu đồng, giảm 5% so với năm 2019 (năm 2019 đạt 2.305.321 triệu đồng); Lợi nhuận sau thuế đạt 23.024 triệu đồng tăng cao so với năm 2019.

Bước sang năm 2021 vẫn có những khó khăn thức thách lớn Tổng Công ty phải đối mặt phía trước. Với sự chuẩn bị kỹ lưỡng, chúng tôi đã sẵn sàng để đón nhận những cơ hội và phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới. Ban lãnh đạo Tổng Công ty LICOGI –CTCP đã có những định hướng chiến lược thực tế, kịp thời và linh hoạt để tình hình hoạt động kinh doanh vẫn phát triển theo kế hoạch dài hạn đã đề ra. LICOGI vẫn tiếp tục tập trung phát triển 3 lĩnh vực nòng cốt là: Xây lắp, Sản xuất công nghiệp – vật liệu xây dựng và Đầu tư khu đô thị nhà ở. Ngoài ra, yếu tố con người luôn được LICOGI quan tâm chú trọng.

Thay mặt HĐQT, tôi tin rằng với chiến lược kinh doanh được chuẩn bị kỹ lưỡng và phù hợp, kế hoạch triển khai vừa linh động vừa cụ thể, đặc biệt là với một đội ngũ nhân sự có ý chí cao, trách nhiệm, dũng cảm, sáng tạo và hợp tác, LICOGI chắc chắn sẽ đạt được những kết quả như mong đợi.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các thành viên HĐQT, Ban Điều hành và toàn thể cán bộ, công nhân viên LICOGI đã nỗ lực không ngừng để hoàn thành nhiệm vụ. Tôi xin cảm ơn sự tin tưởng và ủng hộ của khách hàng, sự đồng hành của đối tác và quý cổ đông trong năm qua.

Kính chúc Quý vị luôn mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐINH VIỆT TÙNG *(ĐÃ KÝ)*

SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2020

Đại hội Đại biểu lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 – 2025 Đảng Bộ Tổng công ty LICOGI – CTCP

Từ ngày 08/6/2020 đến ngày 09/6/2020 Đảng Bộ Tổng Công ty LICOGI - CTCP đã tổ chức Đại hội Đại biểu lần thứ XII nhiệm kỳ 2020 – 2025, thông qua nhiều nội dung hoạt động quan trọng cũng như xác định tầm nhìn chiến lược, phương hướng mục tiêu phát triển trong thời gian tới. Phát huy những kết quả đạt được về thế mạnh của Tổng công ty, tận dụng triệt để những thuận lợi, tranh thủ thời cơ, vượt qua khó khăn, khai thác tốt các dự án, phát triển Tổng công ty một cách toàn diện, vững chắc với mục tiêu: "Tăng cường trách nhiệm, dân chủ, đoàn kết, nâng cao hiệu quả sản xuất và đời sống người lao động, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng"

Lãnh đạo tặng hoa chúc mừng Ban chấp hành Đảng bộ khóa mới nhiệm kỳ 2020-2025

Đại hội đã bầu Ban chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025 gồm 9 đồng chí.
Với tinh thần dân chủ, đoàn kết, trí tuệ, đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng, khai thác mọi nguồn lực để xây dựng Tổng công ty LICOGI - CTCP phát triển toàn diện, Đại hội kêu gọi toàn thể cán bộ, đảng viên, công nhân viên và người lao động trong toàn Tổng công ty tiếp tục phát huy truyền thống của Đảng bộ, đoàn kết, nhất trí, khắc phục khó khăn, nêu cao tinh thần chủ động, sáng tạo, đẩy mạnh các phong trào thi đua sản xuất kinh doanh, quyết tâm hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội lần thứ XII nhiệm kỳ 2020-2025 của Đảng bộ Tổng công ty đã đề ra.

Tổ chức Lễ Kỷ niệm 60 năm ngày truyền thống Tổng Công ty LICOGI .

Ngày 20 tháng 11 năm 2020 tại nhà khách La Thành - Ba Đình - Hà Nội, Tổng Công ty LICOGI – CTCP đã long trọng tổ chức Lễ Kỷ niệm 60 năm ngày truyền thống (1960 - 2020). Buổi lễ diễn ra trong không khí trang trọng, ấm áp. Ông Nguyễn Văn Sinh, Ủy viên Ban cán sự Đảng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng thay mặt Ban lãnh đạo Bộ Xây dựng đã tới dự và phát biểu, đánh giá và ghi nhận những kết quả đã đạt được trong cả quá trình xây dựng và phát triển thương hiệu của Tổng công ty, những nỗ lực vượt qua khó khăn trong giai đoạn mới đồng thời ông cũng chúc Tổng công ty tiếp tục giữ vững truyền thống, phát huy thế mạnh để phát triển hơn nữa.

Ông Đinh Việt Tùng – Chủ tịch HĐQT; Ông Nguyễn Đình Khải – Chủ tịch công đoàn Tổng công ty lên nhận quà lưu niệm của Công đoàn Xây dựng Việt Nam

Ông Phan Thanh Hải – Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc phát biểu tại Lễ kỷ niệm

Hội nghị Sơ kết nửa nhiệm kỳ Công đoàn Tổng công ty LICOGI và triển khai nhiệm vụ công tác năm 2021

Ngày 22/01/2021 tại Tổng công ty LICOGI, Công đoàn Tổng công ty LICOGI tổ chức sơ kết nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ V Công đoàn Tổng công ty LICOGI và triển khai nhiệm vụ hoạt động công đoàn năm 2021.

Một số hình ảnh Hội nghị

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị	2019	2020
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Doanh thu thuần	Triệu đồng	2.305.321	2.187.968
Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	2.093.984	1.921.516
Lợi nhuận gộp	Triệu đồng	211.336	266.452
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	Triệu đồng	-7.381	-24.697
Chi phí hoạt động	Triệu đồng	235.252	234.257
Lãi lỗ công ty liên doanh, liên kết	Triệu đồng	-7.386	40.752
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	-38.683	48.249
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	Triệu đồng	-19.526	-13.595
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	-58.209	34.655
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-64.012	23.024
Bảng cân đối kế toán			
Tổng tài sản	Triệu đồng	4.368.392	4.461.994
Vốn điều lệ	Triệu đồng	900.000	900.000
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	392.435	404.433
Nợ phải trả	Triệu đồng	3.975.957	4.057.561
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu			
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	%	-15,00	5,78
Chỉ số đòn bẩy		10,09	5,28

TẦM NHÌN – SỨ MỆNH

TẦM NHÌN

- Nhà thầu hạ tầng kỹ thuật và nền móng công trình dẫn đầu tại Việt Nam và nhà thầu Quốc tế chuyên nghiệp bằng lợi thế công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao.
- Nhà sản xuất năng lượng, sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng hiệu quả cao.
- Nhà đầu tư, phát triển và vận hành khu đô thị mang lại môi trường sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng.

SỨ MỆNH

- LICOGI cung cấp giải pháp sáng tạo và đáng tin cậy với giá cả hợp lý bằng ứng dụng công nghệ tiên tiến và phương thức quản lý hiện đại.
- LICOGI nỗ lực nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng và sự phát triển bền vững của đất nước bằng chiến lược đầu tư hiệu quả.
- LICOGI xây dựng một môi trường làm việc hội tụ được nguồn nhân lực chất lượng cao, mang lại cơ hội phát triển và thành đạt cùng doanh nghiệp.

2

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN CHUNG
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH
GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO
VỊ THẾ
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
CÁC RỦI RO

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	Tổng Công ty LICOGI - CTCP
Tên tiếng Anh	**LICOGI Corporation - JSC**
Tên viết tắt	**LICOGI**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Mã số doanh nghiệp: 0100106440 Đăng ký lần đầu: ngày 24/11/2010 Đăng ký thay đổi lần thứ 7: ngày 11/01/2018 Nơi cấp: Sở KH & ĐT Thành phố Hà Nội
Vốn điều lệ	900.000.000.000 VNĐ
Địa chỉ	Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nộii
Số điện thoại	+ 84 024 38542365
Số fax	+ 84 024 38542655
Website	http://www.licogi.com.vn/
Email	info@licogi.vn
Mã cổ phiếu	LIC

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1960

Bộ Kiến trúc (nay là Bộ Xây dựng) quyết định thành lập Công ty thi công cơ giới;

1979

Bộ Xây dựng có quyết định chuyển Công ty thi công cơ giới thành Liên hiệp các Xí nghiệp thi công cơ giới;

1995

Bộ Xây dựng có Quyết định số 998/BXD - TCLĐ thành lập Tổng Công ty xây dựng và phát triển hạ tầng;

2006

Bộ Xây dựng có Quyết định số 1635/QĐ - BXD chuyển Tổng Công ty xây dựng và phát triển hạ tầng sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con;

2010

Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 53/QĐ - TTg thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Sông Đà trong đó Tổng Công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng là một trong sáu Tổng Công ty con do Tập đoàn Sông Đà nắm giữ 100% vốn điều lệ;

2013

Bộ Xây dựng có Quyết định số 914/QĐBXD chuyển giao quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu phần vốn nhà nước của Tổng Công ty xây dựng và phát triển hạ tầng từ Công ty mẹ - Tập đoàn Sông Đà về Bộ Xây dựng ;

2014

Thủ tướng chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty xây dựng và phát triển hạ tầng;

2015

Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106440 với vốn điều lệ 900.000.000.000 đồng;

2018

Bộ Xây dựng chuyển giao đại diện quyền sở hữu vốn Nhà nước tại LICOGI sang Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước SCIC;

Ngành nghề kinh doanh

- Thi công và xử lý nền móng các loại công trình, khoan nổ mìn;
- Thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp; giao thông (đường bộ, cầu đường sắt, cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, nhà ga, đường hầm); thủy lợi, cấp thoát nước (đê, đập, kênh, mương, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm), thủy điện, nhiệt điện, bưu điện;
- Thi công xây lắp các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây điện, trạm biến áp điện;
- Đầu tư kinh doanh các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật;
- Lắp đặt thiết bị và hoàn thiện công trình xây dựng;
- Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm, năng lượng tái tạo;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cơ khí, VLXD (tấm lợp, bê tông và các sản phẩm từ bê tông);
- Cung ứng và quản lý nguồn nhân lực;

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn kinh doanh:

Trong nước: Các tỉnh, thành phố trong cả nước
Nước ngoài: Xuất nhập khẩu máy, thiết bị, sản phẩm cơ khí, Xuất khẩu lao động và chuyên gia;..

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC (tính đến ngày 31/12/2020)

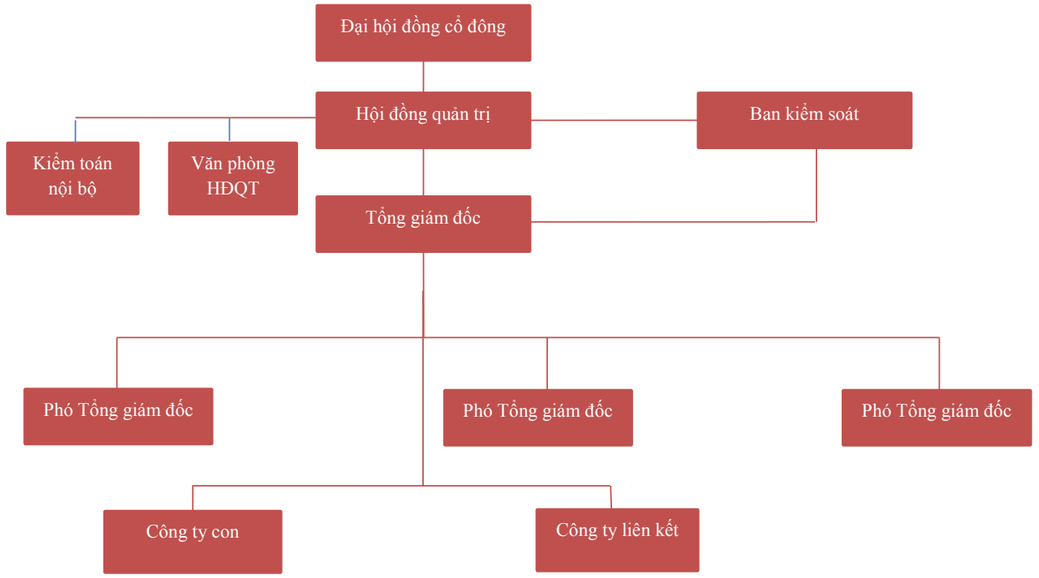

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Licogi 12	Hà Nội	8,52%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 13	Hà Nội	4,19%	Đầu tư kinh doanh khu đô thị, nhà ở; sản xuất kinh doanh điện thương phẩm, năng lượng tái tạo; Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng kỹ thuật
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	Hà Nội	6,61%	Thi công xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường; Đầu tư Khu đô thị, nhà ở
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkđrinh	Quảng Ngãi	1,19%	Sản xuất và kinh doanh điện
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Idico Long Sơn	TP. Hồ Chí Minh	0,36%	Đầu tư Khu công nghiệp đô thị, nhà ở; Xây dựng Công trình
Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây dựng Vinashin-Licogi	TP. Hà Nội	10,00%	Xây dựng Chuyên dụng
Công ty Cổ phần Quản lý Dự án và Xây dựng Licogi	TP. Hà Nội	10,00%	Quản lý dự án, Xây dựng Công trình dân dụng, công nghiệp

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	Hà Nội	51,85%	51,85%	Sản xuất, kinh doanh tấm lợp, vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	Hà Nội	89,06%	89,06%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm đúc, luyện kim cơ khí
Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	Hà Nội	60,00%	60,00%	Tư vấn xây dựng
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)	Đồng Nai	51,00%	51,00%	Thi công xây lắp, nền móng hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	64,77%	64,77%	Thi công xây lắp, sản xuất VLXD
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (Licogi 10)	Đà Nẵng	57,71%	57,71%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 15	Thanh Hóa	64,65%	64,65%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 17	Hải Dương	56,33%	56,33%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20 (Licogi 20)	Hà Nội	92,58%	92,58%	Thi công xử lý nền móng, thi công xây lắp
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi	Hà Nội	89,92%	89,92%	Thi công lắp đặt máy móc thiết bị, điện, nước
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (Licogi 2)	Quảng Ninh	100,00%	100,00%	Đầu tư, kinh doanh khu Đô thị, nhà ở
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	Hà Nội	100,00%	100,00%	Đầu tư, kinh doanh khu Đô thị, nhà ở

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Lào Cai	44,11%	44,11%	Sản xuất, kinh doanh điện
Công ty Cổ phần Licogi 14	Phú Thọ	25,94%	25,94%	Đầu tư, kinh doanh khu Đô thị, nhà ở Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 19	Hà Nội	22,62%	22,62%	Thi công xây lắp

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Chú thích
1	Đinh Việt Tùng	Chủ tịch HĐQT	0	0	Bổ nhiệm ngày 21/06/2019
2	Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch HĐQT, Kiêm Tổng giám đốc	0	0	Bổ nhiệm ngày 22/12/2016
3	Ưng Tiến Đỗ	Thành viên HĐQT	68.279	0,08	Bổ nhiệm lại ngày 21/06/2019
4	Nguyễn Danh Quân	Thành viên HĐQT	469.664	0,52	Bổ nhiệm ngày 21/06/2019
5	Nguyễn Thanh Hợp	Thành viên HĐQT	0	0	Bổ nhiệm ngày 23/10/2018

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Chú thích
1	Nguyễn Thị Khánh Phương	Trưởng BKS	200	0	Bổ nhiệm ngày 21/06/2019
2	Kiều Bích Hoa	Thành viên BKS	0	0	Bổ nhiệm ngày 21/06/2019
3	Nguyễn Thu Trang	Thành viên BKS	0	0	Bổ nhiệm ngày 21/06/2019

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Phan Thanh Hải	Tổng giám đốc, Phó Chủ tịch HĐQT	0	0	
2	Lê Khắc Duy	Phó Tổng giám đốc	6.500	0,007	Miễn nhiệm ngày 31/12/2020
3	Phan Đức Hùng	Phó Tổng giám đốc	16.769	0,018	
4	Phan Lan Anh	Phó Tổng giám đốc	19.594	0,02	
5	Nguyễn Anh Dũng	Kế toán trưởng	5.400	0.006	

VỊ THẾ

LICOGI có thế mạnh truyền thống trong lĩnh vực thi công cơ giới, xử lý nền móng, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy điện, giao thông, thủy lợi…; Đầu tư, kinh doanh các khu công nghiệp, khu đô thị, nhà ở … với lực lượng thiết bị hiện đại được nhập khẩu từ nhiều nước tiên tiến trên thế giới như: Mỹ, Nhật Bản, Đức, Hàn Quốc, … . Trải qua 60 năm xây dựng và phát triển, hiện nay, LICOGI có đội ngũ cán bộ có nhiều kinh nghiệm và công nhân kỹ thuật lành nghề được đào tạo chính quy trong và ngoài nước, với bề dày kinh nghiệm trong quản lý, tổ chức thi công đặc biệt là các công trình đòi hỏi ứng dụng công nghệ thi công hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế. Từ hiệu quả thi công công trình lớn, trọng điểm trên khắp mọi miền của Tổ quốc, thương hiệu LICOGI đã được các chủ đầu tư trong và ngoài nước đánh giá cao. Tên tuổi của LICOGI gắn với nhiều công trình, dự án quan trọng của quốc gia như:

- Các công trình thủy điện: Hòa Bình, Sơn La, Bản Chát, Lai Châu, Thác Mơ, Hàm Thuận - Đa Mi, Đăk My, A Vương, Đăkđrinh …;
- Các công trình nhiệt điện: Uông Bí, Phả Lại 1 và 2, Mông Dương;
- Các công trình công nghiệp khác như: Xi măng Hoàng Thạch, Xi măng Bỉm, Xi măng Bút Sơn, Apatit Lào Cai.
- Nền móng Trung tâm hội nghị Quốc gia, Nhà Quốc hội và Hội trường Ba Đình, Tổng lãnh sự quán Mỹ tại TP Hồ Chí Minh, cao ốc Petro Landmark;
- Hạ tầng giao thông Nhà ga T1 Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, đê chắn sóng Dung Quất, kênh thủy lợi Phước Hòa – Bình Phước, âu tàu nhà máy công nghiệp tàu thủy Dung Quất ….

Trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng, LICOGI cũng nắm giữ vị trí dẫn đầu thị trường.

THỊ PHẦN SẢN PHẨM

STT	Sản phẩm	Thị phần (%)
1	Thép đúc, bi đúc	80
2	Nhôm định hình	8
3	Tấm lợp Fibro xi măng	20
4	Gian không gian khớp cầu	80

CÁC CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU SỬ DỤNG SẢN PHẨM CƠ KHÍ VÀ VLXD CỦA LICOGI

- Các cug văn hóa, thể thao, nhà máy thủy điện có khẩu độ lớn sử dụng giàn khung không gian đạt tiêu chuẩn chấu Âu ở trong nước và kho chứa VLXD tại UEA;
- Nhà máy Kyocera (Hải Phòng);
- Tổng kho dự trữ quốc gia (Đông Anh);
- Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 (Hà Tĩnh);

PHÂN TÍCH SWOT

Điểm mạnh

- Chất lượng công trình, sản phẩm được Tổng công ty đặt lên hàng đầu, tạo được niềm tin nơi khách hàng. Đây cũng là một trong những yếu tố thuận lợi giúp Tổng công ty thu hút thêm lượng khách hàng tiềm năng.
- Đội ngũ cán bộ năng động, có trình độ chuyên môn, nhiệt huyết cao, tập thể đoàn kết, nhất trí phát huy sức mạnh tập thể.
- Chiến lược phát triển và năng lực sản xuất
- Trải qua 60 năm hình thành và phát triển Tổng Công ty trở thành một trong những doanh nghiệp có uy tín trên thị trường trong lĩnh vực xử lý nền móng.

Điểm yếu

- Với thị phần và quy mô vốn hóa của Tổng Công ty đang còn khá nhỏ so với nhiều đối thủ cạnh tranh.
- Tổng công ty mới trở thành công ty đại chúng được gần 5 năm nên chưa đủ thời gian để gây dựng được thị phần trên hệ thống các doanh nghiệp xây dựng và toàn thị trường.

Cơ hội

- Nhu cầu đầu tư phát triển nhà ở, các khu đô thị mới và các công trình cơ sở hạ tầng, năng lượng ngày càng cao sẽ tạo ra nhiều cơ hội kinh doanh cho Tổng công ty trong tương lai.
- Trong năm 2021, được dự báo sẽ biến động theo hướng thuận lợi cho Ngành Xây dựng. Nhà nước chủ trương cải cách hành chính, mở cửa thu hút vốn đầu tư, tham gia vào các Hiệp định tự do thương mại với đối tác nước ngoài lớn như Châu Âu, Trung Quốc, Nhật Bản. Ngành xây dựng tiếp tục đà tăng trưởng do Việt Nam hiện vẫn là nước có lợi thế về nguồn nhân lực dồi dào, chi phí nhân công cạnh tranh trong khu vực.

Thách thức

- Ngành Xây dựng vào giai đoạn giảm tốc, tình hình kinh tế vĩ mô và dịch bệnh biến động gây nhiều khó khăn cho toàn Ngành.
- Giá cả nguyên vật liệu biến động làm giảm tính chủ động và ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Tổng công ty.
- Hội nhập phát triển mở cửa thị trường tạo cơ hội cho nhiều doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào thị trường Việt Nam, chính vì thế tạo ra áp lực cạnh tranh lên nhiều doanh nghiệp trong nước. Trên thị trường trong lĩnh vực xây dựng có rất nhiều doanh nghiệp đang hoạt động và cạnh tranh với nhau.

CÁC RỦI RO

Rủi ro Kinh Tế

Từ đầu năm 2020, đại dịch covid-19 đã xuất hiện và bùng phát trên phạm vi toàn cầu, ảnh hưởng rất nặng nế đến tất cả các lĩnh vực. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2020 ước đạt 2,91% so với cùng kì năm 2019.Tuy nhiên thấp hơn mục tiêu kế hoạch đề ra là 6,8% nhưng là mức tăng trưởng tích cực trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Ngành xây dựng duy trì tăng trưởng khá với tốc độ 6,76%. Đặc thù của ngành xây dựng là chu kỳ ngắn, chịu ảnh hưởng của thị trường bất động sản; mang tính mùa vụ, hoạt động tập trung vào nửa cuối năm.

Ngành xây dựng đang bước qua khỏi quá trình tăng trưởng sau đổi mới và bước vào giai đoạn tái cấu trúc. Nền kinh tế gặp khó khăn, tốc độ tăng trưởng giảm sút cũng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến các kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng, sẽ tác động đến sự phát triển của ngành Xây dựng nói chung trong đó có Tổng công ty.

Rủi ro pháp luật

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty chịu ảnh hưởng lớn từ chính sách Nhà nước. Bất kỳ sự thay đổi nào có thể ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Tổng Công ty từ sự điều chỉnh của các văn bản Pháp luật về Luật Doanh nghiệp, các văn bản Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các đạo luật tiếp tục được xây dựng, hoàn thiện và trình Quốc hội ban hành như Luật Quản lý phát triển đô thị, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Quy hoạch đô thị.

Rủi ro hoạt động

Về thị trường, đối thủ cạnh tranh: Ngành xây dựng không có sản phẩm thay thế khác biệt nhiều, nhu cầu huy động vốn lớn và đòi hỏi chất lượng, tiến độ ngày càng cao, hiệu quả kinh doanh thấp. Tuy nhiên, rủi ro lớn nhất đối với Tổng Công ty tới từ sức mạnh của khách hàng. Khách hàng trong lĩnh vực này thường có trình độ hiểu biết nhất định, theo các gói thầu kĩ lưỡng từ đầu tới khi kết thúc nên các doanh nghiệp xây dựng buộc phải áp mức giá thầu cạnh tranh. Hơn nữa, số lượng nhà thầu nhỏ lẻ tại Việt Nam tương đối nhiều nên rủi ro tới từ cạnh tranh vẫn hiện hữu, ảnh hưởng tới hoạt động của Tổng Công ty.

Về lao động: Năm 2020, tỷ lệ thất nghiệp chung ước tính là 2,26% trong đó tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị là 3,61%; khu vực nông thôn là 1,59%. Ngành xây dựng cần con người thực hiện, giám sát thi công, nhưng phần lớn lao động hiện nay là lao động phổ thông, chưa qua đào tạo chuyên nghiệp nên hàng năm tai nạn nghề nghiệp trong lĩnh vực xây dựng chiếm tỷ trọng lớn cũng như năng suất lao động chưa cao. Để đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh không bị gián đoạn do thiếu nhân công, ban lãnh đạo Tổng Công ty cần áp dụng cơ chế lương hợp lý cùng với những đãi ngộ, chăm lo cho đời sống công nhân viên, tạo cho người lao động môi trường làm việc chuyên nghiệp với mức thu nhập khá.

Về an toàn lao động: Trong các hoạt động thi công xây lắp, LICOGI luôn coi an toàn lao động là vấn đề quan trọng hàng đầu. Tuy nhiên, với đặc thù của ngành Xây dựng là phải lao động trong nhiều điều kiện khó khăn (làm việc trên cao, tại khu vực địa hình hiểm trở,…) và đặc thù vận chuyển khối lượng nguyên vật liệu lớn, nguy cơ xảy ra mất an toàn rất có thể xảy ra.

Rủi ro tài chính

Rủi ro tín dụng: Để thực hiện kinh doanh, doanh nghiệp có thể huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau, trong đó một lượng vốn lớn được tài trợ từ vốn vay ngân hàng. Đồng thời, thị trường bất động sản có đặc thù chu kỳ phát triển dự án kéo dài 2-3 năm thậm chí 3-5 năm. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Năm 2020, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều chỉnh lãi suất điều hành tạo điều kiện cho nền kinh tế có điều kiện phục hồi nhanh trước ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Rủi ro tỷ giá: Lạm phát cơ bản bình quân năm 2020 tăng 2,31% so với bình quân năm 2019. Giá vàng trong nước biến động theo giá vàng thế giới, bình quân năm 2020 tăng 28,05% so với năm 2019. Chỉ số giá đô la bình quân năm 2020 giảm 0,02% so với năm 2019. Điều này sẽ tác động tới Tổng Công ty trong hoạt động giao thương với các đối tác nước ngoài.

Rủi ro đặc thù ngành

Do đặc thù Ngành Xây dựng thi công ngoài trời, ảnh hưởng bởi thời tiết, thời gian thi công kéo dài, công tác nghiệm thu, quyết toán thường kéo dài, nhiều chủ đầu tư gây khó khăn, giải ngân chậm trễ, ảnh hưởng không ít đến tiến độ thanh quyết toán, dẫn tới không phản ánh đúng hiệu quả kinh doanh cũng như kết quả doanh thu, lợi nhuận của Tổng công ty giữa các quý và các năm tài chính.

Rủi ro môi trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty luôn tác động trực tiếp đến môi trường. Các dự án đang xây dựng có thể phát sinh ô nhiễm không khí, nguồn nước, ô nhiễm tiếng ồn cho môi trường xung quanh. Ngoài ra các dự án phức hợp quy mô lớn khi đã đi vào sử dụng có thể làm thay đổi môi trường sinh thái của các vùng lân cận. Điều này đòi hỏi mỗi một dự án đầu tư của Tổng công ty cần phải phân tích đánh giá kỹ lưỡng tác động đến môi trường. Áp dụng các tiêu chuẩn tiên tiến, nguyên vật liệu ít gây ô nhiễm trong quá trình xây dựng.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, ... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Tổng Công ty. Những rủi ro này khó dự báo trước nên Tổng Công ty luôn đảm bảo an toàn tối đa trong hoạt động kinh doanh sản xuất, đề phòng từ trước.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Định hướng chung

Chiến lược phát triển của LICOGI trong những năm tới được xác định dựa trên ba trụ cột chính là (i) Xây lắp, (ii) Sản xuất công nghiệp - vật liệu xây dựng và (iii) Đầu tư khu đô thị, nhà ở, khu công nghiệp, trong đó, nguồn nhân lực là khâu then chốt, quản lý bộ máy là khâu trọng yếu và phát huy văn hóa doanh nghiệp là nhiệm vụ thường xuyên. Việc kiện toàn, sắp xếp lại nhân sự, bộ máy quản lý, điều hành được thực hiện từ Công ty mẹ đến các công ty con, cụ thể:

- Công ty mẹ sẽ thực hiện chức năng chủ yếu là đầu tư đồng bộ, có chiều sâu hệ thống máy móc, thiết bị thi công hiện đại, đào tạo, xây dựng phát triển nguồn nhân sự để đủ năng lực đấu thầu, ký kết các hợp đồng thi công xây lắp, quản lý và triển khai các gói thầu/dự án quy mô lớn làm cơ sở ký hợp đồng giao lại cho các công ty con, Công ty liên kết.
- Tiếp tục triển khai Đề án tái cấu trúc toàn diện Tổng Công ty về tổ chức, tài chính, tái cơ cấu các khoản đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý, điều hành, kiểm tra giám sát, quản trị rủi ro thông qua việc hoàn thiện hệ thông quy trình, quy chế quản trị nội bộ, phân tách rõ nhiệm vụ các đơn vị tại trụ sở chính của Công ty mẹ phù hợp thông lệ quốc tế theo ba khối chức năng: trực tiếp kinh doanh - hỗ trợ kinh doanh - trực tiếp thi công xây lắp, vận hành.
- Củng cố và tăng cường mối liên kết, chỉ đạo chặt chẽ giữa Công ty mẹ và các công ty Con trên các mặt: nhân sự, quản lý, điều hành, quan hệ kinh tế và phân chia lợi ích. Thực hiện cử nhân sự có trình độ, kinh nghiệm làm đại diện phần vốn góp của LICOGI tại các công ty con, công ty liên kết. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy chế quản lý vốn đầu tư của Tổng Công ty vào doanh nghiệp khác, trong đó, quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn góp, nhằm đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của việc giám sát các khoản đầu tư ra bên ngoài.

ĐỊNH HƯỚNG CHI TIẾT

Định hướng phát triển công nghệ

Tiếp tục tăng cường, làm giàu kinh nghiệm và công nghệ thi công cọc khoan nhồi, tường vây thông qua việc ứng dụng công nghệ hiện đại và không ngừng cải tiến, đổi mới, trong đó, chú trọng ứng dụng máy khoan cọc nhồi theo công nghệ tuần hoàn cho các cọc khoan nhồi có đường kính và độ sâu lớn, thành hố khoan đòi hỏi khắt khe về độ thẳng đứng; khoan xoay AUGER, ACCELERATOR áp dụng cho nền địa chất cứng như: sét kết, đá.
Đẩy mạnh áp dụng công nghệ thi công công trình ngầm, tiến tới làm chủ công nghệ xây dựng các công trình ngầm quy mô lớn như: tàu điện ngầm, đường giao thông ngầm… Tăng cường áp dụng công nghệ thiết kế, thi công sàn bóng, móng Top-base.
Nghiên cứu sản xuất tấm lợp theo công nghệ mới tiến tới không sử dụng Amiăng; nâng cao chất lượng các sản phẩm đúc kim loại, nhôm thanh định hình, giàn không gian cho phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường và hiệu quả kinh doanh.

Chiến lược quản lý và điều hành sản xuất

Tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực quản lý, điều hành cho các cấp quản lý, trình độ tay nghề cho công nhân kỹ thuật để chủ động chuyển đổi, thích ứng với thị trường, đi đôi với việc đổi mới trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm.

Tập trung tìm kiếm việc làm để khai thác triệt để máy móc, thiết bị, lao động hiện có, tập trung vào các dự án có nguồn vốn rõ ràng và các dự án do nước ngoài đầu tư hoặc làm tổng thầu xây lắp, không ký các hợp đồng thi công công trình, dự án có giá thấp, khả năng thanh toán kém. Ưu tiên chú trọng đấu thầu các công trình, dự án về xử lý nền móng, thủy điện, nhiệt điện, hạ tầng kỹ thuật thuộc phân khúc thế mạnh, lợi thế cạnh tranh cốt lõi của LICOGI so với các doanh nghiệp cùng ngành.
Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, đặc biệt trong việc huy động, giám sát và sử dụng vốn, cũng như đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ. Thực hiện tái cấu trúc toàn diện danh mục đầu tư, cơ cấu khoản nợ vay theo nguyên tắc giảm sự lệ thuộc vào các nguồn vốn giá cao, giảm mất cân đối giữa vay nợ và đầu tư từ nguồn vốn ngắn hạn.
Tăng cường công tác quản lý giá thành, định mức kinh tế kỹ thuật. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý ở tất cả các khâu, từ đấu thầu, quản lý hợp đồng, thi công, nghiệm thu, thanh - quyết toán. Hoàn thiện công tác giao khoán thầu thi công xây lắp đến từng đội sản xuất, chủ công trình, chi nhánh theo hướng quản lý tập trung, đảm bảo phân bổ và tính đủ chi phí của từng công trình nhằm khai thác, sử dụng và tiết kiệm có hiệu quả các nguồn lực để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
Coi trọng công tác quản lý chất lượng, đảm bảo an toàn lao động. Khuyến khích đổi mới, sáng tạo, cải tiến kỹ thuật nhằm làm giảm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Chiến lược sản xuất xây lắp

Tập trung phát huy ngành nghề mũi nhọn về hạ tầng kỹ thuật và xử lý nền móng đòi hỏi kỹ thuật cao. Ngoài việc tiếp tục tham gia thi công hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp, khu đô thị, xử lý nền móng các công trình ngầm, công trình cao tầng, nhà máy điện, xi măng…, ưu tiên bố trí nguồn lực đi sâu nghiên cứu và tham gia thi công các công trình giao thông ngầm trong nội thị, đặc biệt là các đường hầm giao thông, tuyến đường sắt đô thị, metro.
Nghiên cứu và tăng cường các hoạt động liên doanh, liên kết với cổ đông chiến lược và các doanh nghiệp FDI là tổng thầu lớn của Nhật Bản và Hàn Quốc như: HYUNDAI, OBAYASHI, HAZAMA, SHIMIZU, SUMITOMO…

Chiến lược sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng

Tiếp tục củng cố, đổi mới và phát triển các mặt hàng truyền thống, thế mạnh như: sản xuất vật liệu xây dựng (tấm lợp các loại, nhôm thanh định hình...), sản xuất sản phẩm cơ khí (bi đạn cho ngành xi măng, đúc thép, dàn khung không gian, gia công lắp dựng kết cấu phi tiêu chuẩn...) với mục tiêu nâng cao chất lượng và duy trì vị thế, thị phần đã xác lập.
Nghiên cứu chuyển dịch cơ cấu sản phẩm theo hướng thân thiện với môi trường, trong đó, chú trọng phát triển các sản phẩm tấm phẳng (tấm lợp không sử dụng amiăng thay thế), gạch không nung, bê tông đúc sẵn.

Chiến lược đầu tư và xây dựng

Đầu tư các dự án đô thị và khu công nghiệp: Đẩy mạnh triển khai các dự án: Khu đô thị mới Thịnh Liệt, Nam ga Hạ Long, Trụ sở Tổng Công ty tại lô E7 Phạm Hùng; G1 Thanh Xuân Nam. Nghiên cứu đầu tư nâng cao năng lực máy móc, thiết bị phục vụ thi công các công trình ngầm.

3

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Thông tin ngành

Ngành Xây dựng Việt Nam được dự báo trong thời gian sắp tới sẽ tăng trưởng chậm lại nhưng vẫn khả quan và triển vọng so với những lĩnh vực xây dựng còn lại; thị trường xây dựng sẽ ngày càng có sự cạnh tranh khốc liệt hơn; biến động giá nguyên vật liệu xây dựng.

Với sự chuyển mình sang kinh tế thị trường đã mang lại bước chuyển biến của nền kinh tế. Nền kinh tế đất nước có sức hấp dẫn lớn đối với doanh nghiệp tư nhân và nước ngoài trong thời kỳ ngành Xây dựng đang có đà phát triển tốt và ổn định. Các doanh nghiệp xây dựng nhà nước lui dần lại, mở rộng sân chơi cho khối tư nhân.

Năm nay ngành Xây dựng diễn ra sự thanh lọc mạnh mẽ, thể hiện ở số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường trong ngắn hạn và số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong năm 2020 gần tương đương. Cụ thể, năm 2020 ngành Xây dựng có 6.412 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn và 6.545 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động. Tuy nhiên, phần lớn doanh nghiệp xây dựng này là doanh nghiệp nhỏ.

Báo cáo Kinh tế Xã hội của Tổng cục Thống kê cho biết, năm 2020 ngành Xây dựng cả nước tăng trưởng 6,76%. Điểm nhấn đặc biệt là tỷ lệ đóng góp của ngành Xây dựng vào GDP cả nước năm 2020 ở mức cao bậc nhất 6,19% GDP

Ở trong nước, mặc dù dịch Covid-19 nhanh chóng được kiểm soát tốt, du lịch nội địa vẫn hoạt động nhưng liên tục bị gián đoạn bởi các đợt giãn cách xã hội khi dịch bùng phát. Các doanh nghiệp ngành Du lịch, lữ hành điêu đứng, nhiều doanh nghiệp ngừng hoạt động; các khách sạn phải đóng cửa. Hoạt động du lịch bị đình trệ đã dẫn tới doanh thu du lịch lữ hành năm 2020 ước tính chỉ đạt 17,9 nghìn tỷ đồng, giảm 59,5% so với năm trước. Nhiều địa phương có doanh thu du lịch lữ hành năm 2020 giảm mạnh như: Khánh Hòa giảm 85,1%; Quảng Nam giảm 78,7%; thành phố Hồ Chí Minh giảm 76,7%; Đà Nẵng giảm 73,3%; Bà Rịa – Vũng Tàu giảm 64,3%; Bình Dương giảm 60,1%; Quảng Bình giảm 58,2%; Cần Thơ giảm 55,3%; Hà Nội giảm 48,4%; Bình Định giảm 40,1%. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống năm nay ước tính cũng chỉ đạt 510,4 nghìn tỷ đồng, giảm 13% so với năm trước (Theo tổng cục thống kê, 2020).

Kết quả sản xuất kinh doanh qua các năm

	2018	2019	2020	CAGR
Doanh thu thuần	2.602.118	2.305.321	2.187.968	-8,30%
Giá vốn	2.321.059	2.093.984	1.921.516	-9,01%
EBIT	170.004	59.397	146.986	-7,02%
EBITDA	242.925	63.341	55.293	-52,29%
Lợi nhuận trước thuế	66.724	-58.209	34.655	-
Lợi nhuận sau thuế	51.277	-64.012	23.024	-

Trong giai đoạn 2018 - 2020, giá vốn hàng bán có tốc độ giảm nhanh hơn tốc độ giảm của doanh thu, CAGR của giá vốn gần 9,09% so với mức tăng 8,30% của doanh thu thuần, vấn đề này kiến cho việc đảm bảo cho chi phí sản xuất của LICOGI có ít nhiều lợi thế. Về các chỉ tiêu lợi nhuận, tình hình kinh doanh của LICOGI có thể được xem là xấu với cả lợi nhuận trước và sau thuế đều âm trong năm, nhưng khi xét riêng hoạt động kinh doanh cốt lõi và bỏ đi các yếu tố về chi phí lãi vay và khấu hao lớn vốn là đặc thù của ngành Xây dựng, LICOGI vẫn đang chứng tỏ khả năng sản xuất kinh doanh và sinh lời, kết thúc năm 2020 với EBIT đạt 146.986 triệu đồng, EBITDA đạt 55.293 triệu đồng.

Nhận thức sâu sắc tình thế hiện tại cùng viễn cảnh tương lai, Ban lãnh đạo Tổng công ty đã có những định hướng chiến lược thực tế, kịp thời và linh hoạt để tình hình hoạt động kinh doanh vẫn phát triển theo kế hoạch dài hạn đã đề ra. Tiếp tục kế hoạch thoái vốn dần dần một số công ty liên kết, công ty con hoạt động kém hiệu quả và động thái thành lập công ty con mới nhằm chuyển hướng mạnh mẽ sang lĩnh vực xuất khẩu lao động, LICOGI vẫn sẽ tiếp tục tập trung phát triển 3 lĩnh vực nòng cốt và đã tạo thành thương hiệu về chất lượng của Tổng công ty là: Xây lắp, Sản xuất công nghiệp - vật liệu xây dựng và Đầu tư khu đô thị nhà ở.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Cơ cấu nhân sự

	Tiêu chí	Năm 2018 Số lượng (người)	Năm 2018 Tỷ trọng (%)	Năm 2019 Số lượng (người)	Năm 2019 Tỷ trọng (%)	Năm 2020 Số lượng (người)	Năm 2020 Tỷ trọng (%)
I	**Theo trình độ lao động**						
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	150	63%	136	64%	109	58%
2	Trình độ Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	13	5%	9	4%	5	3%
3	Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	55	23%	48	23%	43	23%
4	Lao động phổ thông	20	8%	19	9%	31	16%
II	**Theo đối tượng lao động**						
1	Lao động trực tiếp	88	37%	76	36%	74	39%
2	Lao động gián tiếp	150	63%	136	64%	114	61%
III	**Theo giới tính**						
1	Nam	189	79%	166	78%	147	78%
2	Nữ	49	21%	46	22%	41	22%
IV	**Theo thời hạn HĐLĐ**						
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	27	11%	22	10%	40	21%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	80	34%	59	28%	42	23%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	131	55%	131	62%	106	56%
V	**Theo cấp quản lý**						
1	Quản lý	61	26%	58	27%	37	20%
2	Chuyên viên, nhân viên	177	74%	154	73%	151	80%
VI	**Theo độ tuổi**						
1	Từ 18 đến 25 tuổi	3	1%	5	2%	3	2%
2	Từ 26 đến 35 tuổi	68	29%	59	28%	48	25%
3	Từ 36 đến 45 tuổi	98	41%	89	42%	88	47%
4	Trên 45 tuổi	69	29%	59	28%	49	26%
	Tổng cộng	**238**		**212**		**188**	

Chính sách đối với người lao động

Xác định nguồn nhân lực là chìa khóa cốt lõi trong sự thành công của doanh nghiệp, Ban lãnh đạo luôn dành sự quan tâm thích đáng để duy trì và phát triển năng lực của mỗi cá nhân, từ đó tạo dựng sự vững chắc trong quá trình phát triển Tổng Công ty. Bên cạnh việc thu hút nhân tài, Tổng Công ty luôn duy trì hướng đến một môi trường lao động tốt, tạo điều kiện tối đa để mỗi cá nhân phát huy kinh nghiệm, năng lực của mình.

Về thời gian làm việc: Tổng công ty tổ chức làm việc 8 tiếng/ngày, 5 ngày/tuần. Người lao động được nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Tổng Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động theo quy định của pháp luật.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi Việc phân phối tiền lương, tiền thưởng từ quỹ lương được gắn liền với hiệu quả làm việc của người lao động, kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước. Tổng Công ty thực hiện chính sách trả lương theo chức danh công việc đảm nhận cho người lao động. Người lao động làm việc theo chức danh công việc gì thì hưởng lương theo chức danh công việc đó. Khi thay đổi công việc, thay đổi chức vụ thì hưởng lương theo công việc mới, chức vụ mới đảm bảo công khai, dân chủ.

- Tổng Công ty đã thực hiện khen thưởng, đột xuất cho cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong việc tiết kiệm, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, có thành tích chống tiêu cực lãng phí.
- Thực hiện các chế độ BHXH, BHYT, BHTN .. và các quyền lợi khác của người lao động theo quy định của pháp luật và thỏa ước lao động tập thể.
- Tổng Công ty luôn tuân thủ các quy định của Luật lao động, luật BHXH thực hiện nghiêm túc các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động.
- Luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện làm việc của người lao động, có chế độ bồi dưỡng đối với các lao động làm việc trong điều kiện độc hại nặng nhọc, đặc biệt độc hại nặng nhọc và quan tâm tới người lao động trong các ngày lễ tết.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tiến độ thực hiện các dự án 2020

Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt

- Phần GPMB đến nay về cơ bản đã hoàn thành giai đoạn 1 của Dự án theo VB số 2282/ UBND-TNMT-TTPTQĐ của UBND quận Hoàng Mai gửi Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo tiến độ.
+ Diện tích đã hoàn thành GPMB đợt 1 là 298.504,9m2;
+ Diện tích đang tiếp tục thực hiện GPMB đợt 2 là 53.113,1m2 (bao gồm diện tích khu làng xóm cũ và nghĩa trang làng Giáp Tứ giữ lại chỉnh trang theo quy hoạch là 20.083m2).
- Phần Hạ tầng kỹ thuật: Vẫn tiếp tục hoàn thiện các thủ tục và trình Tổng công ty xem xét phê duyệt.

Dự án Khu Đô thị mới Nam Ga – Hạ Long

+ Khu phía Bắc Quốc lộ 18A: Đã thực hiện thi công xong các hạng mục hạ tầng kỹ thuật: san nền, giao thông, thoát nước mưa, nước thải, cây xanh, cấp điện, cấp nước và đã bàn giao đưa vào sử dụng.
+ Khu phía Nam đường 18A: Đã hoàn thiện toàn bộ hạng mục san nền, thoát nước mưa, nước thải, đường giao thông, cây xanh, cấp điện, cấp nước và các hạng mục HTKT điều chỉnh quy hoạch lần 4 và đã bàn giao đưa vào sử dụng một số hạng mục.

Dự án đầu tư xây dựng công trình trụ sở Tổng công ty LICOGI tại ô đất 07-E7 khu đô thị mới Cầu Giấy

- Đã lựa chọn đơn vị tư vấn lập thiết kế tổng mặt bằng và phương án kiến trúc công trình và đã được Sở Quy hoạch Kiến trúc cho ý kiến để hoàn chỉnh phương án quy hoạch tổng mặt và phương án kiến trúc sơ bộ; Đã lập hồ sơ đề xuất dự án trình Sở Kế hoạch Đầu tư xin chấp thuận chủ trương đầu tư trình UBND thành phố phê duyệt theo đúng các quy định của pháp luật của nhà nước về đầu tư, đất đai, kinh doanh bất động sản;
- Tổng công ty đã hoàn thiện hồ sơ đề xuất theo ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư và được các sở ngành chức năng thông qua. Hiện nay đang chờ UBND Thành phố xem xét lại các vấn đề có liên quan trước khi quyết định.

Dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà LICOGI - Nhà G1 - Thanh Xuân - Hà Nội

Tổng công ty đã nghiên cứu phương án đầu tư làm cơ sở lập hồ sơ quy hoạch tổng mặt bằng và phương án kiến trúc trình Sở Quy hoạch Kiến trúc chấp thuận và tiến tới lập hồ sơ đề xuất dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chấp thuận chủ trương đầu tư. Hiện tại, do quy hoạch phân khu H2-3 không có chức năng nhà ở nên việc nghiên cứu phương án cuối cùng vẫn chưa thực hiện được mặc dù vẫn đưa vào kế hoạch nghiên cứu đầu tư hàng năm.

Tình hình tài chính

Dupont	2019	2020
Gánh nặng thuế	1,11	0,75
Gánh nặng lãi vay	-0,98	0,24
Tỷ suất EBIT	0,03	0,07
Vòng quay tổng tài sản	0,52	0,50
Chỉ số đòn bẩy	10,09	5,28
ROE	-0,15	0,06

Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) của LICOGI năm 2020 đã tăng so với 2018 và 2019 chủ yếu do lợi nhuận sau thuế năm 2020 đã tăng cao so với năm 2019 mặc dù khó khăn bởi tình hình dịch bệnh Covid-19. Chỉ số đòn bẩy giảm gần một nửa so với năm 2019 chứng tỏ khả năng tự chủ tài chính của doanh nghiệp Tổng Công ty cũng đang có chính sách để tận dụng được nhiều lợi thế đòn bẩy tài chính. Vòng quay tổng tài sản không có sự thay đổi nhiều so với các năm trước.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ số	2019	2020
Chỉ số về khả năng sinh lời		
Tỷ suất Lợi nhuận gộp	0,09	0,12
Tỷ suất EBIT	0,03	0,07
Chỉ số về khả năng thanh toán		
Khả năng thanh toán ngắn hạn	0,60	0,61
Khả năng thanh toán nhanh	0,40	0,44
Khả năng thanh toán tức thời	0,06	0,05
Khả năng chi trả lãi vay	0,51	1,31
Chỉ số về đòn bẩy		
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,91	0,91
Nợ phải trả/V.CSH	10,13	10,03
Nợ dài hạn/V.CSH	1,49	1,19
Chỉ số đòn bẩy	10,09	5,28

4

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ
GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN NGOẠI TRỪ

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tổng Công ty là đơn vị có truyền thống trong lĩnh vực thi công xây lắp công nghiệp, dân dụng và đặc biệt là các công trình xử lý nền móng và hạ tầng kỹ thuật, có đội ngũ cán bộ kỹ thuật dày kinh nghiệm và công nhân lành nghề. Sở hữu công nghệ thi công hiện đại, tiên tiến đảm bảo thi công được các dự án lớn, có yêu cầu kỹ thuật phức tạp. Tuy nhiên, công việc còn ít do các công trình thủy điện, nhiệt điện lớn mà Tổng Công ty giữ vai trò tổng thầu hoặc tham gia trong tổ hợp nhà thầu đã hoàn thành và hiện đang trong giai đoạn quyết toán, các dự án đầu tư của Tổng Công ty chưa được triển khai thi công.
Hơn nữa, tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt ở hầu hết các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Sự biến động của giá cả thị trường gây ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất chung.

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	Tăng trưởng 2020/2019
Tổng tài sản	4.427.761	4.368.392	4.461.994	2,14%
Doanh thu thuần	2.602.118	2.305.321	2.187.968	-5,09%
Giá vốn	2.321.059	2.093.984	1.921.516	-8,24%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	89.885	-38.683	48.249	224,73%
EBIT	170.004	59.397	146.986	147,46%
Lợi nhuận trước thuế	66.724	-58.209	34.655	159,54%

Cơ cấu doanh thu của Tổng công ty không biến đổi quá nhiều, doanh thu về bán hàng hóa, kinh doanh vật liệu xây dựng vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu chiếm 81% trong năm 2020 tăng 24% so năm 2019.

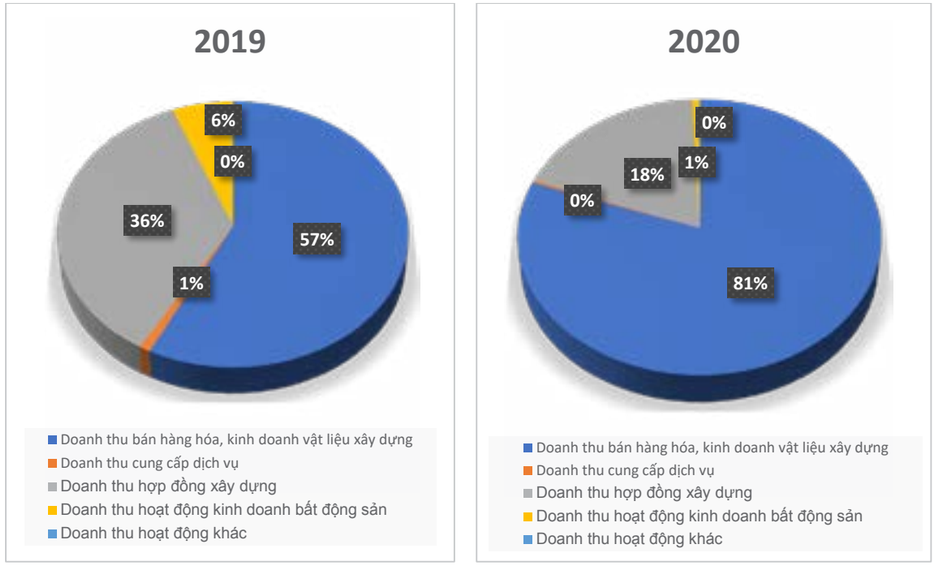

Tỷ trọng Doanh thu từ hợp đồng xây dựng có dấu hiệu thu hẹp, một phần nguyên nhân là do hoạt động kinh doanh không được hiệu quả từ các công ty con, liên kết. Doanh thu từ cung cấp dịch vụ đã giảm so năm 2019.
Doanh thu từ kinh doanh BĐS đã giảm mạnh so năm 2019 khi năm 2020 chỉ chiếm 1% trên tổng doanh thu do bởi tình hình dịch bệnh kéo dài ảnh hưởng đến toàn nền kinh tế nói chung và ngành bất động sản nó riêng.

Đánh giá về tình hình thực hiện kế hoạch

Đơn vị: Triệu đồng

	TH 2020	KH 2020	TH/KH
Doanh thu thuần	2.187.968	2.294.005	-4,62%
Lợi nhuận trước thuế	34.655	-25.617	235,28%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	Tăng trưởng 2020/2019
Tài sản ngắn hạn	2.043.770	2.021.795	2.183.564	8,00%
Tiền và các khoản tương đương tiền	108.778	210.867	187.909	-10,89%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.818	52.328	86.455	65,22%
Phải thu ngắn hạn	1.168.559	1.082.146	1.282.752	18,54%
Hàng tồn kho	716.782	651.788	602.693	-7,53%
Tài sản ngắn hạn khác	28.833	24.667	23.756	-3,69%
Tài sản dài hạn	2.383.992	2.346.597	2.278.430	-2,90%
Các khoản phải thu dài hạn	166.109	166.126	1.111	-99,33%
Tài sản cố định	461.661	443.908	394.458	-11,14%
Bất động sản đầu tư	2.663	2.663	2.663	0,00%
Tài sản dở dang dài hạn	1.036.176	1.002.346	1.106.383	10,38%
Đầu tư tài chính dài hạn	675.729	691.005	735.308	6,41%
Tài sản dài hạn khác	41.654	40.550	38.508	-5,03%
Tổng tài sản	4.427.761	4.368.392	4.461.994	2,14%

Tổng tài sản năm 2020 đạt 4.461.994 triệu đồng, tăng 2,14% so với cuối năm 2019. Cùng chiều với xu hướng tăng của tổng tài sản, tài sản ngắn hạn của Tổng công ty cũng tăng 8% trong tình hình kinh tế biến động bất lợi cho toàn ngành, tài sản dài hạn của Tổng Công ty giảm 2,9% chủ yếu do các khoản phải thu dài hạn năm 2020 giảm mạnh.
Đối với tài sản ngắn hạn, đầu tư tài chính ngắn hạn và khoản phải thu ngắn hạn có sự tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2020 cụ thể: Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 65,22% so năm 2019 (năm 2020 đạt 86.455 triệu đồng, năm 2019 đạt 52.328 triệu đồng). Khoản phải thu ngắn hạn tăng 18,54% so năm 2019 (năm 2020 đạt 1.282.752 triệu đồng, năm 2019 đạt 1.082.146 triệu đồng)

Tình hình nợ phải trả

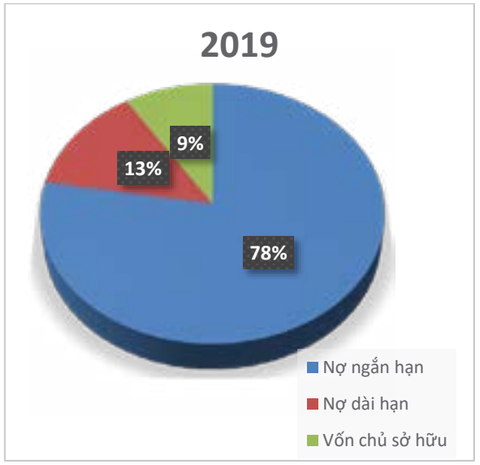

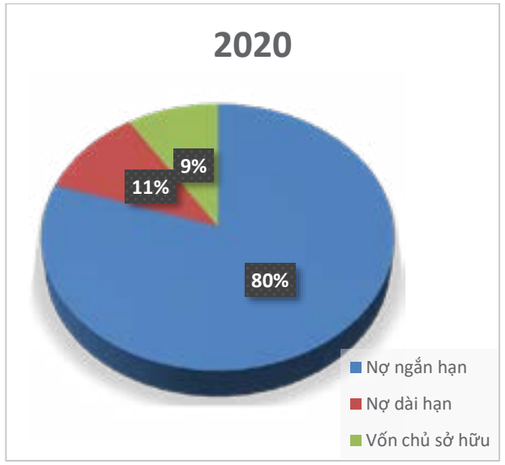

Cơ cấu nguồn vốn của Tổng Công ty không có sự thay đổi nhiều so năm 2019 vẫn tập trung chủ yếu ở nợ phải trả với tỷ trọng hơn 90% so với tổng nguồn vốn trong đó tỷ trọng nợ ngắn hạn chiếm 80% năm 2020 và 78% năm 2019.
Tỷ lệ đòn bẩy được sử dụng ở mức cao nhưng được bù lại khi LICOGI duy trì tính thận trọng cao trong việc gia tăng dự phòng phải trả.

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	Tăng trưởng 2020/2019
Nợ ngắn hạn	3.509.548	3.392.892	3.577.842	5,45%
Phải trả người bán ngắn hạn	832.623	767.562	744.650	-2,99%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	291.210	314.755	336.038	6,76%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	167.456	174.993	185.206	5,84%
Phải trả người lao động	75.672	82.356	81.583	-0,94%
Chi phí phải trả ngắn hạn	150.007	187.786	264.708	40,96%
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	0	875	2.213	152,93%
Phải trả ngắn hạn khác	170.942	219.615	235.822	7,38%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.813.117	1.630.291	1.715.839	5,25%
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.398	3.212	3.072	-4,35%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.122	11.449	8.634	-24,58%
Nợ dài hạn	433.708	583.065	479.719	-17,72%

Kết thúc năm 2020, cùng với biến động của tài sản, nợ ngắn hạn tăng 5,45% từ 3.392.892 triệu đồng năm 2019 lên 3.577.842 triệu đồng vào năm 2020.
Ngược lại, Nợ dài hạn lại có xu hướng giảm, với mức giảm 17,72%, kết thúc năm tài chính 2020 đạt 479.719 triệu đồng, chủ yếu do trong năm LICOGI tăng các khoản vay và nợ thuê tài chính nhằm tài trợ cho các dự án đầu tư bước vào giai đoạn triển khai.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Công tác phát triển nguồn nhân lực

- Tổ chức đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp có chất lượng cao về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật, ngoại ngữ và kiến thức ở các lĩnh vực liên quan khác đáp ứng yêu cầu và mục tiêu phát triển của Tổng công ty.
- Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương, thu nhập của người lao động theo hướng phát huy năng lực, trí tuệ, kinh nghiệm và hiệu quả công tác. Động viên, khuyến khích người lao động nỗ lực học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Phối hợp với các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.

Phương hướng phát triển

- Tập trung mọi nguồn lực, đẩy nhành tiến độ triển khai các dự án tại Khu đô thị nhà ở do Tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên đã và đang làm chủ đầu tư sớm đưa vào kinh doanh.
- Tập trung nguồn lực hiện có, phát huy lợi thế, phát triển các ngành nghề: Thi công xây lắp, xử lý nền móng, hạ tầng, công trình ngầm.
- Phát triển và phát huy thế mạnh về thi công hạ tầng. Đặc biệt là các công trình hạ tầng về giao thông, hạ tầng đô thị.
- Tập trung nguồn lực để làm tổng thầu các công trình xây dựng đô thị lớn mà Chủ đầu tư là đối tác chiến lược của Tổng công ty LICOGI.
- Xây dựng lực lượng CBCNV ổn định tư tưởng, hoàn thiện tổ chức, hoạt động một cách hiệu quả, đổi mới quản trị theo chuẩn mực và thông lệ tiên tiến, phù hợp với đặc thù hoạt động thi công xây lắp.
- Củng cố và phát triển thương hiệu, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường về các lĩnh vực: Thi công xây lắp, xử lý nền móng, hạ tầng, công trình ngầm. Phấn đấu đạt và vượt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước được ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN NGOẠI TRỪ

Trên báo cáo tài chính năm 2020, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ trên các cơ sở sau:

Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt

Tính đến thời điểm 31/12/2019, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào khoản mục "Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn" của dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với tổng giá trị lũy kế là 310,38 tỷ đồng. Trong năm 2020, Tổng Công ty tiếp tục vốn hóa lãi vay vào khoản mục "Chi phí sản, kinh doanh dở dang dài hạn" với giá trị vốn hóa là 31,21 tỷ đồng (Tổng giá trị vốn hóa lũy kế đến thời điểm 31/12/2020 là 341,59 tỷ đồng). Vì dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt kéo dài nên chúng tôi không thể thu thập được các thông tin cần thiết để xác định chi phí lãi vay vốn hóa vào dự án này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay (CMKTVN số 16).

Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Công ty kiểm toán liên quan đến dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt

Dự án khu đô thị Thịnh Liệt được Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hà Nội ra quyết định cấp phép đầu tư xây dựng vào ngày 17/09/2007 cho Tổng Công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng sau đó được chuyển giao lần lượt cho Tổng Công ty Licogi-CTCP và Công ty TNHH MTV Nhà ở và đô thị Licogi. Các chi phí lãi vay vốn hóa liên quan trực tiếp đến dự án này tuy nhiên dự án kéo dài vì các yếu tố khách quan, đến thời điểm hiện tại dự án vẫn đang trong quá trình đền bù giải phóng mặt bằng và tiếp tục thực hiện trong thời gian tới nên Tổng Công ty vẫn tiếp tục vốn hóa chi phí lãi vay liên quan đến dự án này mà không tạm dừng vốn hóa chi phí lãi vay. Đồng thời khi thành lập các Công ty con là Công ty TNHH MTV nhà ở đô thị Licogi và Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2 Tổng Công ty xác định các chi phí lãi vay vốn hóa này là một phần tài sản góp vốn khi thành lập công ty con.
Vấn đề này được khắc phục khi Công ty nhà thực hiện kinh doanh dự án, có lợi nhuận , Tổng công ty thu hồi được vốn đã đầu tư.

Công nợ phải thu, công nợ phải trả

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2020, các công ty con của Tổng công ty đang ghi nhận một số khoản phải thu mà kiểm toán viên không đánh giá được quyền và nghĩa vụ, tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ cũng như đánh giá tổn thất của các khoản nợ phải thu này. Cụ thể: Công ty Cổ phần Licogi 15 nợ phải thu là 91,92 tỷ đồng và 86,35 tỷ đồng; Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước – Licogi nợ phải thu là 11,56 tỷ đồng và 10,2 tỷ đồng; Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20 nợ phải thu 120,32 tỷ đồng và 118,75 tỷ đồng; Công ty Cổ phần Licogi 10 nợ phải thu là 11,9 tỷ đồng và 26,685 tỷ đồng.

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2020, tại các công ty con của Tổng công ty đang ghi nhận một số khoản nợ phải trả, nhưng kiểm toán viên không thể thu thập được các tài liệu cần thiết để xác định được quyền và nghĩa vụ, tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải trả này, cụ thể như sau : Công ty cổ phần Licogi 15 là 143,23 tỷ đồng và 129,76 tỷ đồng; Công ty cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi là 24,06 tỷ đồng và 21,11 tỷ đồng; Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20 là 256,63 tỷ đồng và 267,07 tỷ đồng; Công ty Cổ phần Licogi 10 là 20,18 tỷ đồng và 43,82 tỷ đồng.

Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Công ty kiểm toán liên quan đến các khoản nợ phải thu, nợ phải trả

Các nội dung trên là những tồn tại của các công ty con đã phát sinh từ lâu, chưa có khả năng khắc phục do nhiều nguyên nhân như quá trình quyết toán công trình, dự án chưa hoàn thành, phát sinh kiện tụng, khó khăn về tài chính nên việc đối chiếu công nợ với khách hàng gặp khó khăn hoặc do các chủ đầu tư, nhà thầu chính chây ỳ, né tránh việc thực hiện đối chiếu công nợ vì sợ bị đòi nợ ,… Các nội dung này cũng đã được ghi nhận trong ý kiến ngoại trừ của KTV tại các BCTC kiểm toán từ năm 2016 đến nay.

Hàng tồn kho

Kiểm toán viên không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định tính hiện hữu của hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2020 của các Công ty con của Tổng công ty lần lượt là 132,36 tỷ đồng và 132,53 tỷ đồng, cụ thể như sau: Công ty cổ phần Licogi 10: 67,9 tỷ đồng, 72,3 tỷ đồng; Công ty cổ phần Licogi 15: 16,23 tỷ đồng và 11,93 tỷ đồng; Công ty cổ phần Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20: 48,23 tỷ đồng và 48,3 tỷ đồng.

Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Công ty kiểm toán liên quan đến hàng tồn kho

Do đặc thù là đơn vị xây lắp các công trình thi công tại nhiều nơi, đặc biệt Công ty cổ phần Licogi 10 và Công ty cổ phần Licogi 15 là những đơn vị có các công trình đang thi công ở Lào và các tỉnh miền Trung. Trong năm 2020 do tình hình mưa lũ, dịch bệnh nên Đơn vị kiểm toán không thể chứng kiến kiểm kê tại các công trình trên. Vấn đề này dự kiến sẽ khắc phục trong năm 2021.

Ý kiến khác

Công ty CP Licogi 15 chưa ghi nhận các khoản phạt vi phạm, phạt chậm nộp các loại thuế và chi phí lãi vay phải trả ngân hàng và các đối tượng khác tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2020. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định chi phí lãi vay và các khoản phải trả nêu trên nên chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến lãi/(lỗ) trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Công ty kiểm toán liên quan đến các vấn đề trên:

Đây là Công ty có tình hình sản xuất kinh doanh đặc biệt khó khăn, thua lỗ kéo dài, hóa đơn bị cưỡng chế, phong tỏa tài khoản để nộp thuế nên phải xin xuất hóa đơn lẻ từng lần, gây khó khăn cho doanh nghiệp vì không có vốn để hoạt động. Vấn đề này cũng đã được kiểm toán nêu ra từ các báo cáo tài chính các năm trước và đến nay vẫn chưa khắc phục được. Ý kiến kiểm toán này có thể xóa bỏ khi Công ty con khắc phục được những vấn đề trên.

5

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, ngành

Năm 2020 mặc dù gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 nhưng Việt Nam vẫn tăng trưởng 2,91%, là điểm sáng trên toàn cầu trong thực hiện thành công mục tiêu kép. Đặc biệt chất lượng tăng trưởng được cải thiện với đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp đạt 33,6% giai đoạn 2011-2015 và tăng lên 45,7% giai đoạn 2016-2020. Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 5,9%, cao hơn mức 5 năm trước đó ở mức 4,3%.

Trong năm 2020, Ngành Xây dựng thế giới nói chung vẫn đang trong thời gian hồi phục. Trung Quốc sắp vượt Mỹ là điểm nhấn quan trọng trong ngành Xây dựng. Theo nghiên cứu gần đây cho biết, cứ theo đà này, ngành Xây dựng sẽ tăng trưởng khoảng 4,5% mỗi năm. Phần lớn sự tăng trưởng này được tập trung và có ảnh hưởng nhiều nhất là các thị trường của Hoa Kỳ, Trung Quốc và Ấn Độ. Do cuộc cạnh tranh khốc liệc hiện nay của thị trường vốn từ Trung Quốc, các nước châu Á là mục tiêu hấp dẫn cho các nhà đầu tư.

Theo một nghiên cứu của PwC cho biết, Indonesia, Việt Nam và Philippines - là những quốc gia có thể dành được sự tập trung của nhiều nhà đầu tư phát triển. Hơn 50% của tất cả các Công ty xây dựng lớn trên thế giới đã bắt đầu tiến hành tấn công tại các thị trường mới nổi.

Mặc dù yếu tố chính trị có thể phần nào ảnh hưởng đến tình hình phát triển xây dựng ở một số quốc gia châu Á nhưng các dự báo về mặt trung hạn cho thấy: Với những ưu đãi về lãi suất, sự phát triển của ngành xây dựng trong những năm tới sẽ rất khả quan.

Nhận thức sâu sắc tình thế hiện tại cùng viễn cảnh tương lai, Ban lãnh đạo Tổng công ty LICOGI đã có những định hướng chiến lược thực tế, kịp thời và linh hoạt để tình hình hoạt động kinh doanh vẫn phát triển theo kế hoạch dài hạn đã đề ra. LICOGI vẫn tiếp tục tập trung phát triển 3 lĩnh vực nòng cốt là: Xây lắp, Sản xuất công nghiệp – vật liệu xây dựng và Đầu tư khu đô thị nhà ở, trong đó, căn cứ vào tình hình thị trường xây dựng những năm gần đây và nhận định thị trường trong những năm tới, Tổng công ty tiếp tục xác định chiến lược phát triển tập trung vào các lĩnh vực chủ yếu là thi công xây lắp, xử lý nền móng, hạ tầng, công trình ngầm.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	Tăng trưởng 2020/2019
Tổng tài sản	4.427.761	4.368.392	4.461.994	2,14%
Doanh thu thuần	2.602.118	2.305.321	2.187.968	-5,09%
Giá vốn	2.321.059	2.093.984	1.921.516	-8,24%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	89.885	-38.683	48.249	224,73%
EBIT	170.004	59.397	146.986	147,46%
Lợi nhuận trước thuế	66.724	-58.209	34.655	159,54%

Tổng tài sản ghi nhận cuối năm 2020 đạt 4.461.994 triệu đồng, tăng 2,14% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngược với xu hướng biến động theo chiều hướng tăng với tổng tài sản là các chỉ tiêu về doanh thu, giá vốn và lợi nhuận.

Doanh thu thuần và Giá vốn giảm với tốc độ. Doanh thu thuần giảm 5,09%, tương ứng giảm từ 2.305.321 triệu đồng xuống còn 2.187.968 triệu đồng. Tương tự, giá vốn rơi xuống còn 1.921.516 triệu đồng, giảm 8,24% so với năm 2019.

EBIT của LICOGI vẫn duy trì được giá trị dương mặc dù vẫn chịu một tác động chung toàn ngành.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Mối quan hệ quản trị - điều hành doanh nghiệp: Tổng giám đốc và Ban điều hành đã thực hiện đầy đủ các Nghị quyết, quyết định của HĐQTvà tuân thủ đầy đủ quy chế hoạt động của HĐQT, thực hiện đúng quyền hạn theo Điều lệ của LICOGI. Ban Tổng giám đốc đã chấp hành chế độ báo cáo và thông tin kết quả sản xuất kinh doanh theo yêu cầu của HĐQT.
Cán bộ ban điều hành đã có sự mẫn cán trong công việc và đã tham mưu cho Tổng Giám đốc kịp thời và hiệu quả.
Công tác tổ chức bộ máy quản lý dần được kiện toàn, nhân sự dần được sắp xếp một cách hợp lý, khoa học cho từng vị trí. Công việc được bố trí, phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ.
Công tác đầu tư xây dựng được thực hiện theo đúng Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Điều lệ LICOGI và Pháp luật; Tình hình tài chính, các khoản chi phí được kiểm soát tốt, không để xảy ra thiệt hại; Thực hiện tốt các chính sách về lương, thưởng, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

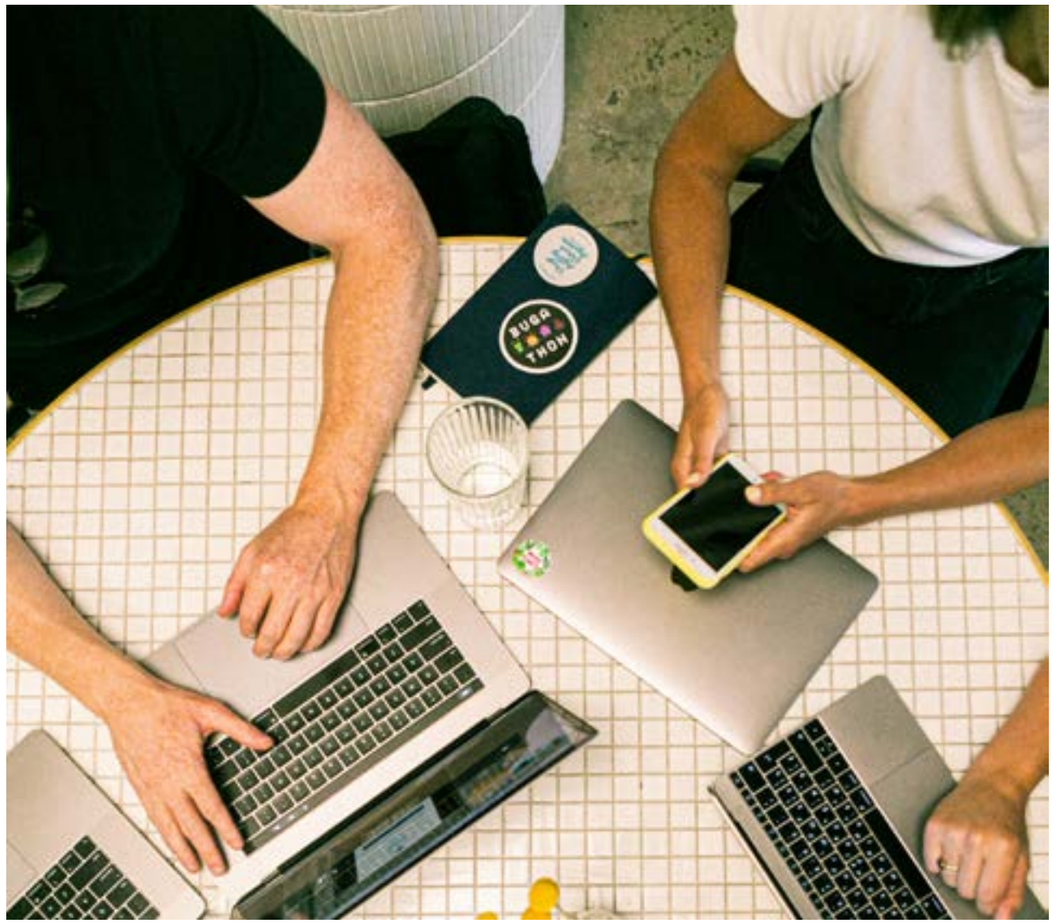

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá thị trường năm 2021

Năm 2021, sẽ là năm tiếp tục có những khó khăn đối với LICOGI trong hoạt động kinh doanh, việc làm. Dịch bệnh Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp trong năm 2021 trên toàn thế giới, LICOGI dự báo sẽ đối mặt với nhiều khó khăn không chỉ với lượng cầu giảm đột ngột mà còn gặp phải vô số bất lợi với việc đấu thầu cũng như tiến hành dự án.
Xác định năm 2021 tới đặc biệt khó khăn đối với hoạt động SXKD của Tổng Công ty, vì vậy, HĐQT LICOGI với vai trò là cơ quan quản lý Tổng Công ty quyết tâm tập trung mọi nguồn lực để tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động, bảo đảm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty năm 2021. Đặc biệt, Tổng Công ty vẫn sẽ quan tâm đến các chỉ tiêu cơ bản như sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, lương và các chế độ của CBCNV, bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho các cổ đông, tạo một thương hiệu tốt trên sàn chứng khoán và các khách hàng.

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 của Tổng công ty LICOGI – CTCP

Trong năm 2021, LOCOGI sẽ tiếp tục thực hiện kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông thông qua. Theo đó tính đến thời điểm lập báo cáo thường niên này, Công ty chưa được thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2021. Tuy nhiên, Công ty nhận định các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu, lợi nhuận cơ bản giữ tốc độ tăng trưởng tương đương năm 2020.

PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN

Tiếp tục triển khai định hướng và giải pháp thực hiện đã được HĐQT đề ra trong báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên 2021; trong đó bổ sung và tập trung một số định hướng và giải pháp cụ thể về một số lĩnh vực sau:

Về công tác tổ chức:

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng phòng, ban đơn vị để xác định số lao động thực tế cần sử dụng, vị trí đảm nhiệm công việc làm cơ sở để trả lương cho người lao động gắn với hiệu quả công việc theo hướng "làm công việc gì thì hưởng lương theo công việc ấy", phát huy tinh thần trách nhiệm của người lao động, từng bước tinh giản bộ máy kết hợp đào tạo, tuyển dụng cán bộ có kinh nghiệm để quản lý, điều hành, tuyển dụng công nhân lành nghề vận hành thiết bị để có đủ nguồn nhân lực thi công các công trình khi Tổng công ty tham gia thi công.
Kiên trì định hướng cơ cấu lại tổ chức, định rõ ba khối chức năng: Kinh doanh, hỗ trợ kinh doanh và vận hành, gắn với việc triển khai Đề án tái cấu trúc toàn diện Tổng công ty. Tiếp tục rà soát, ban hành đồng bộ hệ thống quy trình, quy chế nội bộ của Tổng công ty.
Đánh giá hiệu quả hoạt động của các chi nhánh để có phương án sắp xếp, kể cả biện pháp giải thể, chấm dứt hoạt động, hạch toán báo sổ tiến tới không còn mô hình đơn vị phụ thuộc nhưng hạch toán độc lập.
Tổ chức Hội nghị, hội thảo, tập huấn về việc thực hiện Quy chế quản lý Người đại diện vốn của LICOGI tại doanh nghiệp khác nhằm giúp cho Người đại diện nắm được được đầy đủ quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm, quyền lợi của người đại diện. Xây dựng Quy chế giám sát, đánh giá người đại diện; ký hợp đồng với tất cả người đại diện nhằm đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của việc giám sát các khoản đầu tư ra bên ngoài; có chế độ thù lao, phụ cấp đối với Người đại diện không tham gia HĐQT, bộ máy điều hành của danh nghiệp có vốn góp hoặc tham gia HĐQT, bộ máy điều hành nhưng doanh nghiệp không có thù lao, phụ cấp. Tổ chức họp với người đại diện của Tổng công ty tối thiểu 6 tháng/1 lần.
Rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của Người đại diện, cử cán bộ có năng lực làm người đại diện, đặc biệt là đại diện tại các công ty con hoặc công ty liên kết có vốn đầu tư lớn.

Về công tác đấu thầu, tìm kiếm việc làm:

Tăng cường công tác tiếp thị, đấu thầu, tìm kiếm việc làm để khai thác tối đa máy móc, thiết bị, lao động hiện có vẫn là mục tiêu số một của Tổng công ty trong giai đoạn hiện nay; xây dựng, củng cố lực lượng làm hồ sơ đấu thầu và chỉ tham gia đấu thầu các công trình có nguồn vốn rõ ràng; không ký các hợp đồng thi công công trình, dự án có giá thấp, khả năng thanh toán kém.
Ưu tiên, chú trọng đấu thầu các công trình, dự án về thi công san nền, xử lý nền móng, hạ tầng, giao thông, thủy điện là thế mạnh, lợi thế cạnh tranh cốt lõi của LICOGI so với các doanh nghiệp cùng ngành nghề và các công trình, dự án do nước ngoài làm chủ đầu tư cũng như làm nhà thầu xây lắp.
Đẩy mạnh triển khai các Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt tạo việc làm cho Tổng công ty và doanh nghiệp thành viên.
Đi sâu nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới về thi công xử lý nền móng (cọc khoan nhồi, tường vây...) nhằm nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành và tăng khả năng cạnh tranh, nhất là đối với các công trình, dự án đòi hỏi kỹ thuật cao, địa chất phức tạp.
Khai thác triệt để máy móc, thiết bị hiện có để trích khấu hao tài sản, giải quyết việc làm cho người lao động nhưng phải đảm bảo có hiệu quả.
Đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động bằng việc tìm kiếm mở rộng thị trường xuất khẩu lao động, chuyển đổi, nâng cấp Chi nhánh Xuất khẩu lao động thành Công ty TNHH Một thành viên do LICOGI sở hữu 100% vốn Điều lệ.
Đối với các công trình trúng thầu, phải tổ chức thi công thật tốt, quản lý chặt chẽ, đảm bảo tiến độ, chất lượng, an toàn, hiệu quả, có tính chuyên nghiệp, tạo niềm tin đối với khách hàng, từng bước củng cố thương hiệu và uy tín của LICOGI.

Công tác tài chính:

Quyết liệt trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán và thu hồi vốn; thành lập bộ phận thu hồi vốn dưới sự chỉ đạo của một Phó tổng giám đốc; đối với những khoản nợ lâu năm, khó đòi cần củng cố hồ sơ pháp lý đề nghị các cơ quan pháp luật can thiệp để thu hồi nợ .
Tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị tài chính - kế toán, gắn với ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động, đảm bảo tăng cường tính minh bạch, phản ánh và cung cấp kịp thời, đúng tiến độ thông tin kế toán, quản trị hàng quý, 6 tháng và 01 năm theo yêu cầu và quy định đối với công ty đại chúng.
Tăng cường công tác quản lý giá thành, định mức kinh tế - kỹ thuật. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý ở tất cả các khâu, từ đấu thầu, quản lý hợp đồng, thi công, đến nghiệm thu, thanh - quyết toán, khuyến khích đổi mới, sáng tạo, cải tiến kỹ thuật nhằm kiểm soát tốt và tiết giảm chi phí. Hoàn chỉnh, ban hành quy chế quản lý các khoản đầu tư, góp vốn và giám sát tài chính; Quy định thu - chi nội bộ và quản lý công nợ, Quy trình tổ chức và quản lý mua sắm tập trung

PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN

Công tác đầu tư phát triển, thanh lý tài sản:

Tập trung mọi nguồn lực đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án về đô thị, nhà ở; chỉ đầu tư máy móc, thiết bị trong trường hợp thật sự cần thiết hoặc thuê ngoài.
Trong năm 2020 có tổ chức thanh lý một số thiết bị đã quá lạc hậu, cũ nát, không có nhu cầu sử dụng tại 02 đia điểm.
- Tại kho bãi công trình tuyến 03 – Dự án Đầu tư xây dựng đại học Quốc Gia Hà Nội tại Hòa Lạc.
- Tại kho bãi khu vực nhà máy nhiệt điện Mông Dương – Quảng Ninh.
Các thiết bị trên đã cũ, lạc hậu, sử dụng không phù hợp với thời điểm hiện tại nên bán thanh lý để bổ sung nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Công tác tái cấu trúc, đổi mới phát triển doanh nghiệp:

Quyết liệt trong việc thực hiện thoái vốn ở một số doanh nghiệp đã được ĐHĐCĐ thông qua nhằm đảm bảo cân đối tài chính của Tổng công ty để có nguồn trả nợ các khoản vay của các cá nhân, tổ chức và vốn cho sản xuất kinh doanh; trong đó ưu tiên cho các khoản vay của các cá nhân. Việc thoái vốn phải đảm bảo đúng các quy chế, quy định, trình tự thủ tục theo quy định của Chính phủ, đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

Công tác quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ:

Thường xuyên rà soát để bổ sung, sửa đổi các quy chế, quy định, quy trình đã ban hành, xây dựng các quy chế mới phù hợp với quy định của pháp luật và hoạt động của LICOGI nhằm đảm bảo đủ công cụ hữu hiệu cho quản lý theo thông lệ và yêu cầu áp dụng với công ty đại chúng.
Nâng cao hiệu quả hoạt động của Phòng Kiểm toán nội bộ để tăng cường công tác kiểm tra, kiểm toán, giám sát nhằm phát hiện kịp thời để đề xuất, cảnh báo, ngăn ngừa rủi ro. Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả khắc phục sau kiểm toán nội bộ.

Công tác phát triển thương hiệu LICOGI và quan hệ với các cổ đông:

Rà soát sổ tay thương hiệu và quy chế sử dụng thương hiệu LICOGI, gắn trách nhiệm của các doanh nghiệp trong hệ thống trong việc xây dựng và củng cố thương hiệu.
Tiếp tục quan tâm, củng cố mối quan hệ với cổ đông và công chúng đầu tư thông qua việc công bố thông tin kịp thời, minh bạch, đúng quy định.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ phần: Tại ngày 31/12/2020

-Tên cổ phiếu: **Cổ phiếu Tổng Công ty LICOGI - CTCP**
- Loại cổ phiếu: **Cổ phiếu phổ thông**
- Mã chứng khoán: **LIC**
- Mệnh giá cổ phiếu: **10,000 đồng/cổ phiếu**
- Số lượng cổ phần: **90.000.000**
- Mệnh giá cổ phần: **10.000 đồng/cổ phiếu**
- Số lượng cổ phần ưu đãi cho người lao động khi CPH DNNN: **171.000 cổ phiếu**
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: **58.265.900 cổ phiếu**
- Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: **31.734.100 cổ phiếu**
- Số lượng cổ phiếu quỹ: **0 cổ phiếu**

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Cổ đông Nhà nước
1	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước - Công ty TNHH	36.640.691	40,71%	x
2	Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh bất động sản Khu Đông	31.500.000	35%	
3	Công ty TNHH Đầu tư Gia Cường	17.312.888	19,24%	

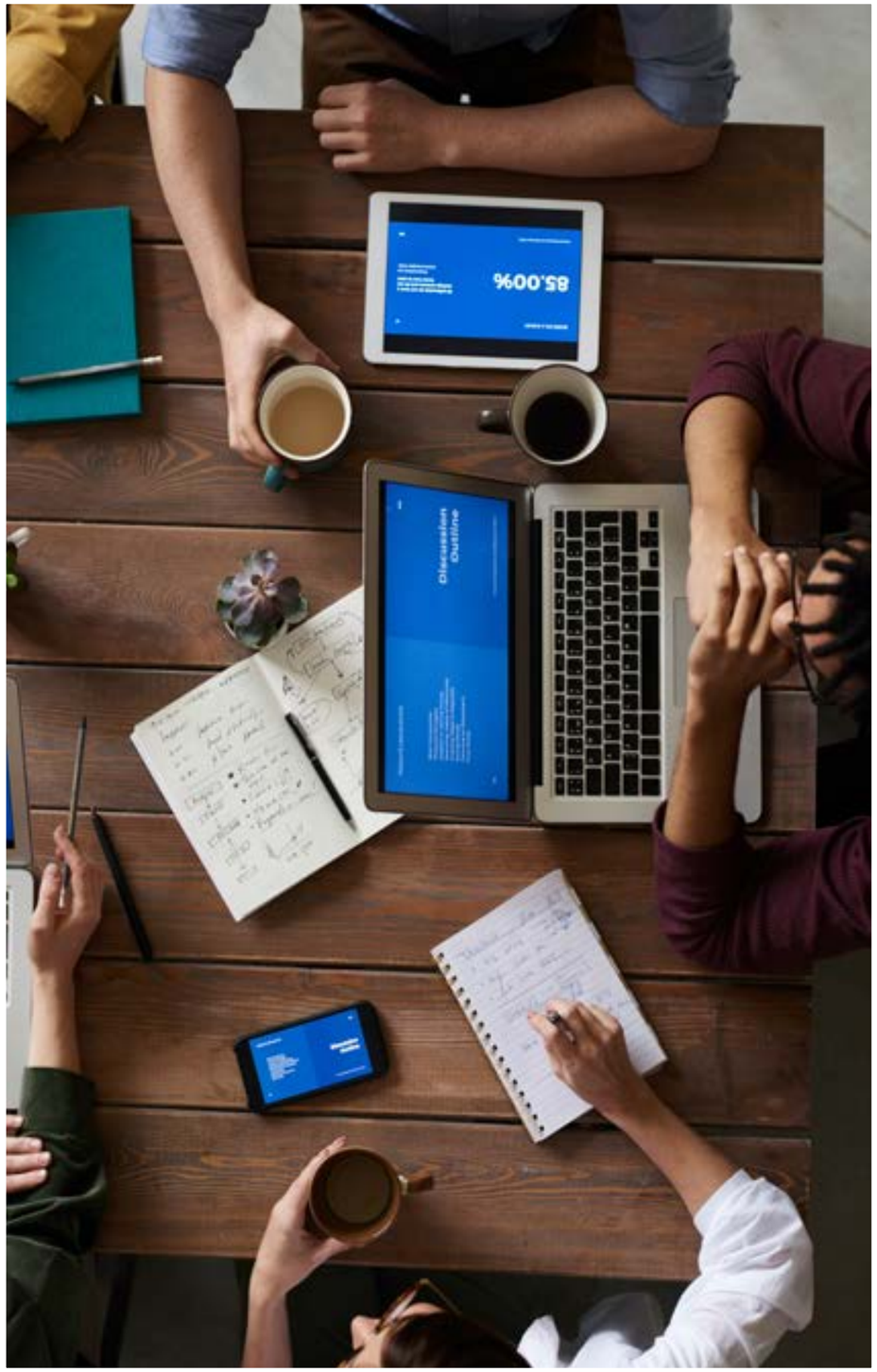

6

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BAN KIỂM SOÁT
GIAO DỊCH, TIỀN LƯƠNG VÀ THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Đinh Việt Tùng	Chủ tịch HĐQT
2	Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ưng Tiến Đỗ	Thành viên HĐQT
4	Nguyễn Danh Quân	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Thanh Hợp	Thành viên HĐQT

Đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Lý do vắng mặt
1	Đinh Việt Tùng	Chủ tịch HĐQT	14/14	-
2	Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch HĐQT	14/14	-
3	Ưng Tiến Đỗ	Thành viên HĐQT	14/14	-
4	Nguyễn Danh Quân	Thành viên HĐQT	14/14	-
5	Nguyễn Thanh Hợp	Thành viên HĐQT	14/14	-

Các nghị quyết của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2020, HĐQT đã tiến hành 14 cuộc họp đảm bảo đúng quy định về số lượng 01 cuộc họp/quý và HĐQT cũng đã ban hành 99 nghị quyết.

Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban Tổng giám đốc

HĐQT đã thực hiện giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác của LICOGI trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của LICOGI, giám sát công tác quản lý tài chính, công tác quyết toán, thu hồi công nợ, đầu tư và việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT và của ĐHĐCĐ.

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Khánh Phương	Trưởng BKS
2	Kiều Bích Hoa	Thành viên BKS
3	Nguyễn Thu Trang	Thành viên BKS

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Lý do vắng mặt
1	Nguyễn Thị Khánh Phương	Trưởng BKS	05/05	-
2	Kiều Bích Hoa	Thành viên BKS	05/05	-
3	Nguyễn Thu Trang	Thành viên BKS	05/05	-

Đánh giá hoạt động Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ LICOGI và Luật Doanh nghiệp, đặc biệt là thực hiện giám sát tình hình tài chính của LICOGI, giám sát việc công bố thông tin, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác, đảm bảo phối hợp hoạt động chặt chẽ với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông. Trong quá trình thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của LICOGI và luôn được HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý, điều hành khác của LICOGI tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát tiếp cận hồ sơ, tài liệu của LICOGI cũng như cung cấp đầy đủ, chính xác kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của LICOGI khi Ban Kiểm soát có yêu cầu. HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý, điều hành khác của LICOGI đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật.
Ban kiểm soát và các kiểm soát viên đã tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, ĐHĐCĐ và nhận được đầy đủ các tài liệu như tài liệu gửi cho các thành viên HĐQT. Trong các cuộc họp, BKS tham gia ý kiến đóng góp với những nội dung về công tác SXKD, công tác quản lý, đầu tư, một số công tác khác của Tổng Công ty và nhận được tiếp thu của HĐQT. BKS không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Tổng Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc.

Phương hướng hoạt động năm 2021

Nhằm thực hiện tốt các mục tiêu năm 2021, BKS phấn đấu thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ mà Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng Công ty đã quy định nhằm:

- Giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Phối hợp tổ chức chương trình làm việc kiểm tra, giám sát hoạt động tại một số Công ty con có vốn góp lớn, chịu sự chi phối của LICOGI.
- Kiểm tra, đôn đốc tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị; Định kỳ thẩm tra tính trung thực của báo cáo tài chính quý, năm; Tư vấn cho Hội đồng quản trị các ý kiến chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, sử dụng tài sản của Tổng Công ty; Nắm bắt các cơ chế, chính sách ban hành nhằm kiến nghị sửa đổi, bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp, giảm thiểu những rủi ro trong điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty; Đưa ra chương trình kiểm tra đối với một số lĩnh vực cụ thể và các yêu cầu đột xuất khác của cổ đông.
- Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cổ đông trên tinh thần hợp tác để mang lại hiệu quả cao.

GIAO DỊCH, TIỀN LƯƠNG VÀ THÙ LAO CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thù lao của Hội đồng Quản trị và tiền lương, thù lao của Ban Tổng giám đốc năm 2020

	Họ và tên	Chức danh	Năm 2020 (VND)
Hội đồng quản trị	Đinh Việt Tùng	Chủ tịch HĐQT	128.000.000
	Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch HĐQT	368.000.000
	Ưng Tiến Đỗ	Thành viên HĐQT	344.000.000
	Nguyễn Danh Quân	Thành viên HĐQT	344.000.000
	Nguyễn Thanh Hợp	Thành viên HĐQT	92.000.000
	Tổng		**1.276.000.000**
Ban Tổng Giám đốc	Phan Thanh Hải	Tổng giám đốc	360.000.000
	Lê Khắc Duy	Phó Tổng giám đốc	248.000.000
	Phan Đức Hùng	Phó Tổng giám đốc	308.000.000
	Phan Lan Anh	Phó Tổng giám đốc	308.000.000
	Tổng		**1.224.000.000**
Tổng cộng			**2.500.000.000**

Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và Người liên quan của Người nội bộ: Không có

Đào tạo về quản trị

Năm 2020 do đại dịch Covid 19 nên các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty không tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty.

7

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tổng Công ty đã chú trọng xây dựng các giải pháp và quy định sử dụng điện như:

- Ngắt nguồn điện nếu không sử dụng các thiết bị khi hết giờ làm việc
- Tận dụng tối đa ánh sáng và hệ thống thông gió tự nhiên
- Chỉ sử dụng điều hòa khi nhiệt độ thật cần thiết
- Nhiệt độ làm mát thấp nhất được cho phép là 25 độ C Lựa chọn sử dụng, mua mới các thiết bị có hiệu suất năng lượng cao hơn theo nhãn tiết kiệm năng lượng khi buộc phải đầu tư, trang bị phương tiện, dụng cụ mới
- Nghiên cứu thiết kế hệ thống tuần hoàn nước để giảm tiêu hao nước ở mức thấp nhất
- Thường xuyên kiểm tra thiết bị máy móc, dây dẫn, thiết bị điện đảm bảo không rò rỉ, thất thoát và an toàn trong sản xuất

Trong năm Tổng công ty tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0
- Tổng số tiền phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0

Chính sách liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương và môi trường

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương là một trong những sứ mệnh của Tổng Công ty, Công ty hành động và luôn đồng hành cùng các hoạt động thiết thực với xã hội với mong muốn nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn của lực lượng lao động trẻ của đất nước, duy trì nghĩa vụ và trách nhiệm với cộng đồng địa phương nơi Doanh nghiệp có lợi ích hoạt động. Triển khai, áp dụng công nghệ tiên tiến hàng đầu trong việc thi công và khai thác, thực hiện công tác tuyên truyền công nhân công trường sử dụng vật tư, nhiên liệu, điện, nước một cách hiệu quả, tránh lãnh phí, áp dụng nghiêm ngặt các quy trình bảo hộ lao động, quy trình giữ vệ sinh chung tại công trường theo quy định của Tổng Công ty. Các phương tiện vận chuyển vật liệu đều được phủ kín bạt để hạn chế ảnh hưởng đến môi trường và cộng đồng địa phương. Tổng Công ty luôn thể hiện trách nhiệm với cộng đồng thông qua các hoạt động hiến máu tình nguyện, quyên góp, tài trợ cho những hoàn cảnh khó khăn, giảm thiểu tác động của thiên tai. Kiến tạo tăng trưởng kinh tế thông qua việc tạo công ăn việc làm cho người dân tại các địa phương, thanh toán thuế, chương trình phát triển kinh tế - xã hội cho cộng đồng, quản lý tác động tới môi trường và xã hội

Chính sách liên quan đến người lao động

Xác định nguồn nhân lực là chìa khóa cốt lõi trong sự thành công của doanh nghiệp, Ban lãnh đạo luôn dành sự quan tâm thích đáng để duy trì và phát triển năng lực của mỗi cá nhân, từ đó tạo dựng sự vững chắc trong quá trình phát triển Tổng Công ty. Nhân sự Tổng Công ty chiếm đa số là công nhân lao động có kỹ thuật, đòi hỏi sức khỏe và làm việc trong môi trường nguy hiểm và độc hại, chính vì vậy số lượng lao động được đào tạo buộc phải chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu trình độ lao động của Tổng Công ty Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty đảm bảo cho người lao động công việc ổn định, tạo sự an toàn cho người lao động để gắn bó lâu dài. Nhân viên luôn được tôn trọng, lắng nghe và chia sẻ; mỗi nhân viên đều cảm nhận được mình là một mắt xích quan trọng trong một tập thể đoàn kết và vững mạnh. Mọi nỗ lực và thành quả của CBNV được công ty công nhận và khen thưởng kịp thời - đó là động lực rất lớn giúp nhân viên tìm thấy sự hứng khởi và sẵn sàng đón nhận những thách thức mới trong công việc.

8

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

Tháng 4 năm 2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 54

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Licogi - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Đinh Việt Tùng	Chủ tịch
2. Ông Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch
3. Ông Nguyễn Thanh Hợp	Ủy viên
4. Ông Nguyễn Danh Quân	Ủy viên
5. Ông Ưng Tiến Đỗ	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Phan Thanh Hải	Tổng Giám đốc
2. Ông Lê Khắc Duy	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 31/12/2020)
3. Ông Phan Đức Hùng	Phó Tổng Giám đốc
4. Bà Phan Lan Anh	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

1. Bà Nguyễn Thị Khánh Phương	Trưởng ban
2. Bà Nguyễn Thu Trang	Thành viên
3. Bà Kiều Bích Hoa	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Phan Thanh Hải - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, Ngày 05 tháng 04 năm 2021

INTERNATIONAL AUDITING CO., LTD.
15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, 1 Nguyen Huy Tuong Str.
Thanh Xuan Trung Ward, Thanh Xuan District, Ha Noi, Vietnam
(+84) 24 6664 2777 contact@icpa.vn www.icpa.vn

Số: 040505/2021/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Tổng Công ty Licogi - CTCP

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Licogi - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 05 tháng 04 năm 2021, từ trang 7 đến trang 54 bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt

Tính đến thời điểm 31/12/2019, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào khoản mục "Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn" của dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với tổng giá trị lũy kế là 310,38 tỷ đồng. Trong năm 2020, Tổng Công ty tiếp tục vốn hóa lãi vay vào khoản mục "Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn" với giá trị vốn hóa là 31,21 tỷ đồng (Tổng giá trị vốn hóa lũy kế đến thời điểm 31/12/2020 là 341,59 tỷ đồng). Vì dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt kéo dài nên chúng tôi không thể thu thập được các thông tin cần thiết để xác định chi phí lãi vay vốn hóa vào dự án này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay (CMKTVN số 16).

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2020, các công ty con của Tổng công ty đang ghi nhận một số khoản phải thu mà kiểm toán viên không đánh giá được quyền và nghĩa vụ, tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ cũng như đánh giá tổn thất của các khoản nợ phải thu này. Cụ thể:

- Công ty Cổ phần Licogi 15 nợ phải thu là 91,92 tỷ đồng và 86,35 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi nợ phải thu là 11,56 tỷ đồng và 10,2 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20 nợ phải thu 120,32 tỷ đồng và 118,75 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Licogi 10 nợ phải thu là 11,9 tỷ đồng và 26,68 tỷ đồng.

Hàng tồn kho

Kiểm toán viên không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định tính hiện hữu của hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2020 của các Công ty con của Tổng công ty lần lượt là 132,36 tỷ đồng và 107,43 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Công ty cổ phần Licogi 10: 67,9 tỷ đồng và 47,2 tỷ đồng;
- Công ty cổ phần Licogi 15: 16,23 tỷ đồng và 11,93 tỷ đồng;
- Công ty cổ phần Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20: 48,23 tỷ đồng và 48,3 tỷ đồng.

Các khoản công nợ phải trả

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2020, tại các công ty con của Tổng công ty đang ghi nhận một số khoản nợ phải trả, nhưng kiểm toán viên không thể thu thập được các tài liệu cần thiết để xác định được quyền và nghĩa vụ, tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải trả này, cụ thể như sau :

- Công ty cổ phần Licogi 15 là 143,23 tỷ đồng và 129,76 tỷ đồng;
- Công ty cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi là 24,06 tỷ đồng và 21,11 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20 là 256,63 tỷ đồng và 267,07 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Licogi 10 là 20,18 tỷ đồng và 43,82 tỷ đồng.

Một số vấn đề khác

Công ty CP Licogi 15 chưa ghi nhận đầy đủ các khoản phạt vi phạm, phạt chậm nộp các loại thuế và chi phí lãi vay phải trả ngân hàng và các đối tượng khác tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2020. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định chi phí lãi vay và các khoản phải trả nêu trên nên chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến lãi/(lỗ) trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12 tháng 11 năm 2018 về giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng thành Tổng Công ty Licogi- CTCP, do một số vướng mắc liên quan đến quy định pháp lý liên quan đến khoản chi phí cơ hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông và tình hình thực tế triển khai dự án nên giá trị quyết toán bàn giao không bao gồm chi phí cơ hội. Chi phí cơ hội này sẽ được tính riêng sau khi có chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ và Tổng Công ty có trách nhiệm nộp trực tiếp về Quỹ hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là 592,08 tỷ đồng, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 1.394,28 tỷ đồng. Các vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tổng Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Các vấn đề nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 09 tháng 04 năm 2020.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ

Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2018-072-01
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA)
Hà Nội, Ngày 05 tháng 04 năm 2021

Nguyễn Huy Hùng
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2335-2018-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**2.183.563.851.045**	**2.021.795.433.582**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**187.908.875.497**	**210.866.723.277**
1. Tiền	111		176.635.373.328	85.587.850.675
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.273.502.169	125.278.872.602
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**V.2a**	**86.454.643.430**	**52.327.517.800**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		86.454.643.430	52.327.517.800
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**1.282.751.801.954**	**1.082.146.421.425**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	959.120.610.260	1.027.069.259.431
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	253.721.824.240	79.122.824.229
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	112.533.740.010	12.553.740.010
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	313.395.178.019	311.056.359.138
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.8	(356.019.550.575)	(347.879.736.892)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	223.975.509
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.9**	**602.692.698.932**	**651.788.075.844**
1. Hàng tồn kho	141		624.564.405.594	669.699.615.872
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(21.871.706.662)	(17.911.540.028)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**23.755.831.232**	**24.666.695.236**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	3.485.878.819	4.166.720.478
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		18.276.310.310	19.150.724.007
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10a	1.993.642.103	1.349.250.751
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**2.278.430.052.849**	**2.346.597.021.980**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**1.110.699.108**	**166.125.699.108**
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	-	165.000.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	1.110.699.108	1.125.699.108
II. Tài sản cố định	**220**		**394.457.568.364**	**443.907.836.780**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	366.830.554.721	416.374.495.907
- Nguyên giá	222		*1.473.440.576.920*	*1.552.172.684.412*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		*(1.106.610.022.199)*	*(1.135.798.188.505)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	27.627.013.643	27.533.340.873
- Nguyên giá	228		*29.450.669.806*	*29.321.169.806*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		*(1.823.656.163)*	*(1.787.828.933)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**	**V.12**	**2.663.302.754**	**2.663.302.754**
- Nguyên giá	231		*2.745.140.454*	*2.745.140.454*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	232		*(81.837.700)*	*(81.837.700)*
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**	**V.14**	**1.106.382.632.223**	**1.002.345.544.371**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		1.086.394.229.923	983.436.254.597
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		19.988.402.300	18.909.289.774
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**735.307.824.752**	**691.005.061.416**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.15	663.964.379.032	625.587.557.296
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.16	59.260.545.400	59.260.545.400
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.16	(2.517.099.680)	(343.041.280)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	14.600.000.000	6.500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**38.508.025.648**	**40.549.577.551**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	37.429.033.627	39.383.545.618
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.078.992.021	1.166.031.933
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**4.461.993.903.894**	**4.368.392.455.562**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**4.057.561.332.701**	**3.975.957.223.365**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**3.577.841.974.298**	**3.392.892.487.756**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	744.650.046.780	767.562.013.844
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	336.037.673.823	314.755.326.160
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10b	185.205.534.375	174.992.935.342
4. Phải trả người lao động	314		81.583.170.557	82.355.653.202
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	264.707.795.738	187.785.525.077
6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	V.4	77.235.637	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.213.121.565	875.000.000
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	235.822.122.324	219.615.229.061
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	1.715.839.184.350	1.630.290.545.282
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		3.071.921.214	3.211.587.751
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.634.167.935	11.448.672.037
II. Nợ dài hạn	**330**		**479.719.358.403**	**583.064.735.609**
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.542.009.388	2.959.834.580
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	233.834.046.075	234.020.880.076
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	239.428.363.058	338.199.131.245
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		2.071.251.098	2.079.201.832
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.843.688.784	5.805.687.876
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**404.432.571.193**	**392.435.232.197**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	V.22	**404.432.571.193**	**392.435.232.197**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		900.000.000.000	900.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		117.558.651	117.558.651
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(89.169.818.319)	(89.169.818.319)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		89.232.634.850	85.677.025.040
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.083.295.470	2.083.295.470
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(592.083.951.495)	(592.838.301.947)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*(601.765.601.212)*	*(524.235.001.107)*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*9.681.649.717*	*(68.603.300.840)*
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		94.252.852.036	86.565.473.302
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**4.461.993.903.894**	**4.368.392.455.562**

Lê Thị Thanh Nội
Người lập

Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng

Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 05 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.1**	**2.189.821.922.798**	**2.305.782.754.732**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	1.854.356.891	462.199.218
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**	**VI.1**	**2.187.967.565.907**	**2.305.320.555.514**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.921.515.929.394	2.093.984.176.482
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**266.451.636.513**	**211.336.379.032**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	85.981.734.365	91.838.366.417
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	110.679.046.578	99.219.525.089
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*112.331.341.154*	*117.605.820.164*
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		40.751.821.736	(7.385.675.787)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	64.896.136.979	55.065.525.417
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	169.360.799.922	180.186.764.029
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**48.249.209.135**	**(38.682.744.873)**
12. Thu nhập khác	31	VI.7	18.396.050.094	19.051.207.897
13. Chi phí khác	32	VI.8	31.990.688.984	38.577.175.667
14. Lợi nhuận khác	40		(13.594.638.890)	(19.525.967.770)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**34.654.570.245**	**(58.208.712.643)**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	11.551.519.842	6.336.604.011
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		79.089.178	(533.437.290)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**23.023.961.225**	**(64.011.879.364)**
- Lợi nhuận sau thuế của Tổng công ty	61		9.681.649.717	(68.603.300.840)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		13.342.311.508	4.591.421.476
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**VI.10**	**108**	**(762)**
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**		**108**	**(762)**

Lê Thị Thanh Nội
Người lập

Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng

Phan Thanh Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 05 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	**01**	**34.654.570.245**	**(58.208.712.643)**
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	55.293.193.734	65.341.385.243
Các khoản dự phòng	03	10.174.205.546	(18.088.384.209)
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	19.262.913	6.796.397
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(93.970.395.402)	(93.502.655.932)
Chi phí lãi vay	06	112.331.341.154	117.605.820.164
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**	**118.502.178.190**	**13.154.249.020**
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(77.496.603.297)	91.758.005.865
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	49.095.376.912	66.700.319.556
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(6.386.147.533)	(22.277.157.037)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	2.635.353.650	3.044.932.945
Tiền lãi vay đã trả	14	(102.626.846.651)	(111.738.159.708)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.180.726.163)	(7.849.419.885)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(8.788.227.917)	(10.694.374.193)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(32.245.642.809)**	**22.098.396.563**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(37.864.004.530)	(31.859.165.423)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	15.234.832.578	4.219.727.271
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(90.800.000.000)	(173.266.952.200)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	48.572.874.370	136.507.092.800
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	3.750.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	87.386.200.162	87.879.792.226
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**22.529.902.580**	**27.230.494.674**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.511.548.385.011	2.359.407.951.842
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.524.770.514.130)	(2.306.641.312.609)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(13.222.129.119)**	**52.766.639.233**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**	**(22.937.869.348)**	**102.095.530.470**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**210.866.723.277**	**108.777.989.204**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(19.978.432)	(6.796.397)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**187.908.875.497**	**210.866.723.277**

Lê Thị Thanh Nội	Nguyễn Anh Dũng	Phan Thanh Hải
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
		Ngày 05 tháng 04 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty LICOGI - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng nền móng và Kỹ thuật hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng, Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV. Theo giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 01001064400 thay đổi lần thứ 3 ngày 31/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900.000.000.000 đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/11/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 11/01/2018.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 900.000.000.000 đồng, số lượng cổ phần 90.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty là thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng và phát triển kinh doanh các dự án bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu là:

- Thi công xây lắp các công trình ngầm, các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh mương, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm), thủy điện, nhiệt điện, bưu điện, cấp thoát nước, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến áp điện, thi công và xử lý nền móng các loại công trình, khoan nổ mìn (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đầu tư kinh doanh phát triển các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng các công trình điện và kinh doanh điện thương phẩm; đầu tư và kinh doanh dịch vụ văn phòng, khách sạn, nhà nghỉ, du lịch và dịch vụ vui chơi giải trí, quản lý và khai thác các dịch vụ tổng hợp tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung;
- Thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (đường bộ, cầu đường sắt, cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, nhà ga, đường hầm);
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng, tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật chuyên ngành, giáo dục định hướng đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm có thời hạn ở nước ngoài;
- Sản xuất kinh doanh và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ khí, vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên nhiên liệu, các chủng loại vật liệu xây dựng, công nghệ xây dựng; và
- Tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm: quy hoạch, lập và thẩm định, dự án đầu tư xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thiết kế, lập tổng dự toán các công trình xây dựng, quản lý dự án, giám sát kỹ thuật thi công tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, thi công, xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị; thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình (không bao gồm tư vấn pháp luật).

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Đối với các hoạt động kinh doanh bất động sản của Tổng Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thường kéo dài trên 12 tháng. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh khác của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty gồm:

Tổng Công ty có các công ty con như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	Hà Nội	51,85%	51,85%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	Hà Nội	89,06%	89,06%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí
Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	Hà Nội	60,00%	60,00%	Tư vấn đầu tư xây dựng
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)	Đồng Nai	51,00%	51,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	64,77%	64,77%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (Licogi 10)	Đà Nẵng	57,71%	57,71%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 15	Thanh Hóa	64,65%	64,65%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 17	Hải Dương	56,33%	56,33%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20 (Licogi 20)	Hà Nội	92,58%	92,58%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi	Hà Nội	89,92%	89,92%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (Licogi 2)	Quảng Ninh	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	Hà Nội	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản

II. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Công ty con cấp 2

Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2020 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 6 *(Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh)*	Hòa Bình	28,22%	54,42%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Vật liệu Xây dựng Đông Anh số 9 *(Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh)*	Phú Thọ	26,44%	51,00%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Licogi 9.2 *(Công ty con của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9)*	Đồng Nai	40,45%	79,31%	Thi công xây lắp, nền móng hạ tầng

Tổng Công ty có các công ty liên kết, công ty liên doanh được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2020 bao gồm:

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Lào Cai	44,11%	44,11%	Sản xuất, kinh doanh điện
Công ty Cổ phần Licogi 14	Phú Thọ	25,94%	25,94%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 19	Hà Nội	22,62%	22,62%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long *(Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9)*	Bình Phước	20,40%	40,00%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8 *(Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh)*	Hưng Yên	23,63%	45,58%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng

Công ty liên doanh

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
Công ty TNHH Khu Công nghiệp Thăng Long *(Công ty liên doanh của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh - Licogi)*	Hà Nội	37,41%	42,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam *(Công ty liên doanh của Công ty Cổ phần Licogi 15)*	Hà Nam	48,48%	48,48%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng

II. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Công ty con cấp 2

Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2020 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 6 *(Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh)*	Hòa Bình	28,22%	54,42%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Vật liệu Xây dựng Đông Anh số 9 *(Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh)*	Phú Thọ	26,44%	51,00%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Licogi 9.2 *(Công ty con của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9)*	Đồng Nai	40,45%	79,31%	Thi công xây lắp, nền móng hạ tầng

Tổng Công ty có các công ty liên kết, công ty liên doanh được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2020 bao gồm:

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Lào Cai	44,11%	44,11%	Sản xuất, kinh doanh điện
Công ty Cổ phần Licogi 14	Phú Thọ	25,94%	25,94%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 19	Hà Nội	22,62%	22,62%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long *(Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9)*	Bình Phước	20,40%	40,00%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8 *(Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh)*	Hưng Yên	23,63%	45,58%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng

Công ty liên doanh

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
Công ty TNHH Khu Công nghiệp Thăng Long *(Công ty liên doanh của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh - Licogi)*	Hà Nội	37,41%	42,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam *(Công ty liên doanh của Công ty Cổ phần Licogi 15)*	Hà Nam	48,48%	48,48%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trong giai đoạn Cổ phần hóa từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2015, Tổng Công ty lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và xử lý tài chính theo quy định tại Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thành Công ty cổ phần và Thông tư số 127/2014/TT-BCT ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lí tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thành Công ty Cổ phần. Tuy nhiên, do một số vướng mắc liên quan đến quy định pháp lý liên quan đến khoản chi phí cơ hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt giữa Tổng Công ty - Công ty mẹ và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông và tình hình thực tế triển khai dự án nên giá trị quyết toán bàn giao không bao gồm chi phí cơ hội. Chi phí cơ hội này sẽ được tính riêng sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ và Tổng Công ty- Công ty mẹ có trách nhiệm nộp trực tiếp về Quỹ hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là 592,08 tỷ đồng, tổng nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 1.394,28 tỷ đồng. Các vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ có thể huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào phát sinh từ vấn đề không chắc chắn này.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất: tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính: tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng từ 03 năm đến 05 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là hai căn hộ tại số 81/6 Võ Văn Ngân, Phường Linh Chiểu, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh được mua chờ tăng giá để bán do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp. Tổng Công ty dừng trích khấu hao đối với tài sản này từ năm 2015.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, tiền thuê đất, sửa chữa lớn tài sản cố định và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí sản xuất kinh doanh khác...được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về dịch vụ xuất khẩu lao động.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng từ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được tính và ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	8.097.546.267	14.916.371.496
Tiền gửi ngân hàng	168.537.827.061	69.171.479.179
Các khoản tương đương tiền (i)	11.273.502.169	125.278.872.602
Tiền đang chuyển	-	1.500.000.000
Cộng	**187.908.875.497**	**210.866.723.277**

(i) Là khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng, lãi suất theo quy định tại từng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	**86.454.643.430**	**52.327.517.800**
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (i)	86.454.643.430	52.327.517.800
b. Dài hạn	**14.600.000.000**	**6.500.000.000**
Trái phiếu	1.500.000.000	1.500.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (ii)	13.100.000.000	5.000.000.000
Cộng	**101.054.643.430**	**58.827.517.800**

(i) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm, lãi suất theo quy định tại từng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

(ii) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 24 tháng, trả lãi 6 tháng/lần tại Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Cẩm Phả với lãi suất 7,2%/năm.

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn khách hàng		
Công ty CP Thủy điện Đăkđrinh	88.914.470.120	93.721.199.216
BQLDA Đầu tư xây dựng các Công trình dân dụng và Công nghiệp tỉnh Quảng Ninh	86.465.013.000	6.676.927.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển đô thị Gia lâm	39.990.788.317	5.977.566.619
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thái Sơn	23.578.065.867	5.255.313.041
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	21.261.594.839
Công ty CP Tường kính TID	19.269.129.000	-
Công ty CP Thực phẩm miền Bắc	15.662.726.396	15.662.726.396
Các khách hàng được chuyển giao khi Sáp nhập Cometco vào Licogi 2	10.393.127.409	11.057.564.409
Các khách hàng khác	653.585.695.312	867.456.367.911
Cộng	**959.120.610.260**	**1.027.069.259.431**
b. Phải thu khách hàng là bên liên quan	**4.804.043.818**	**4.804.043.818**
(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)		

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương (i)	165.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Alladin - Nước Biếu	-	7.640.310.000
Công ty CP Xây dựng 203	6.829.116.000	6.829.116.000
Đối tượng khác	81.892.708.240	64.653.398.229
Cộng	**253.721.824.240**	**79.122.824.229**
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương (i)	-	165.000.000.000
Cộng	**-**	**165.000.000.000**
c. Trả trước cho người bán là các bên liên quan	**3.695.789.577**	**3.695.789.577**
(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)		

(i) Theo hợp đồng dịch vụ số 18A/2017/HĐ-BQLDA ngày 21 tháng 06 năm 2017 giữa Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi với Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương về việc "thương thảo, đàm phán, nhận chuyển nhượng từ Chủ sở hữu các diện tích nhà ở/công trình gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc phần đất chưa giải phóng mặt bằng để thực hiện thủ tục chuyển giao quyền sở hữu các diện tích nhà ở/công trình gắn liền với quyền sử dụng đất". Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi tạm ứng cho Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương số tiền 165 tỷ tương đương với 85% giá trị hợp đồng. Theo phụ lục số 05 của Hợp đồng số 18A/2017/HĐ-BQLDA ngày 21 tháng 12 năm 2020, thời gian thực hiện của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký phụ lục hợp đồng này.

5 PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Công nghiệp Khánh An (i)	70.000.000.000	-
Công ty Cổ phần năng lượng Sóc Trăng (ii)	20.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh số 8 (iii)	11.733.740.010	12.553.740.010
Phải thu về cho vay đối tượng khác	10.800.000.000	-
Cộng	**112.533.740.010**	**12.553.740.010**
b. Phải thu về cho vay là các bên liên quan	**11.733.740.010**	**12.553.740.010**
(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)		

(i) Hợp đồng cho vay số 30.09/2020/HĐVV/CKĐA-KA ngày 30/09/2020 và phụ lục hợp đồng số 30.09/2020/PLHĐ/CKĐA-KA ngày 31/12/2020, số tiền cho vay là 70 tỷ đồng, thời hạn cho vay là 9 tháng kể từ ngày cho vay, lãi cho vay 9%/năm. Tài sản đảm bảo là tất cả khoản phải thu hợp pháp, quyền khai thác mỏ tại mỏ đất hiếm Bến Đền – Lào Cai và toàn bộ các tài sản của Công ty Cổ phần Công nghiệp Khánh An theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng số 30/2020/KPT/CKĐA-KA.

(ii) Hợp đồng cho vay số 02.11/2020/HĐVV/CKĐA-NLST ngày 01/11/2020 và phụ lục hợp đồng số 02.11/2020/PLHĐ/CKĐA-NLST ngày 01/01/2021, số tiền cho vay là 20 tỷ đồng, thời gian cho vay là tối đa 60 ngày kể từ ngày cho vay, lãi suất cho vay là 9%/năm. Tài sản đảm bảo là tất cả các tài sản hình thành từ vốn vay và các khoản phải thu hợp pháp của Công ty Cổ phần Năng lượng Sóc Trăng.

(iii) Khoản vay ngắn hạn hỗ trợ vay vốn giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh và Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8 - Công ty liên kết. Khoản vay theo hình thức tín chấp, áp dụng lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN/DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	621.385.327	50.188.586
Cộng	**621.385.327**	**50.188.586**
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	323.024.834
Chi phí sửa chữa cải tạo	124.419.865	473.102.892
Chi phí trả trước khác	107.591.907	779.084.894
Cộng	**232.011.772**	**1.575.212.620**

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công trình xây dựng trụ sở làm việc văn phòng cho thuê tại lô E7 đường Phạm Hùng (*)	9.671.801.536	9.671.801.536
Dự án tòa nhà văn phòng và nhà ở CBNV Licogi	583.545.455	583.545.455
Cộng	**10.255.346.991**	**10.255.346.991**

(*) Dự án đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội thông qua thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, phương án thiết kế công trình và có công văn giới thiệu địa điểm lô E6 - Phạm Hùng (8.450 m2) để Tổng Công ty thực hiện dự án vào ngày 03 tháng 01 năm 2007.

Tổng Công ty đã đặt cọc tiền đất số tiền 8.450.000.000 đồng với giá 1.000.000 đồng/m2 cho lô E6 - Phạm Hùng theo công văn số 2618/KH&ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2006.

Ngày 10/08/2007, Sở Quy Hoạch - Kiến trúc Hà Nội đã điều chỉnh, bố trí lại vị trí xây dựng dự án từ lô E6 sang lô E7 (diện tích khoảng 6.500 m2) và được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã chấp thuận về việc nghiên cứu lập dự án xây dựng trụ sở văn phòng tại khu đô thị mới Cầu Giấy theo công văn số 1987/QĐ-UBND ngày 11/11/2008.

Tới thời điểm hiện tại, dự án vẫn chưa tiếp tục được triển khai do các bên đầu tư cần phải điều chỉnh lại thiết kế và quy hoạch tổng thể, bổ sung một số chức năng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang cố gắng thống nhất kế hoạch thực hiện để tiếp tục triển khai dự án.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	21.261.594.839	-	21.261.594.839	21.261.594.839	
Công ty CP Thực phẩm miền Bắc	15.662.726.396	15.662.726.396	-	15.662.726.396	15.662.726.396	-
Công ty CP Xây lắp BĐS Điện lực Dầu khí Việt Nam	12.572.632.461	12.572.632.461	-	12.572.632.461	12.572.632.461	-
Ban điều hành Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	25.493.403.949	-	25.493.403.949	25.493.403.949	-
Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Licogi 9.1	17.241.013.260	5.472.303.979	11.768.709.281	17.241.013.260	5.472.303.979	11.768.709.281
Phải thu BQL dự án KĐT Thịnh Liệt	55.945.748.572	54.986.617.577	959.130.995	56.104.248.572	54.986.617.577	1.117.630.995
Các khoản phải thu được chuyển giao khi sáp nhập COMETCO vào công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	39.052.111.083	39.052.111.083	-	27.423.400.314	27.423.400.314	-
Các khoản khác	229.103.844.410	181.518.160.291	34.029.793.407	276.077.321.932	185.007.057.377	91.070.264.555
Cộng	**416.333.074.970**	**356.019.550.575**	**46.757.633.683**	**451.836.341.723**	**347.879.736.892**	**103.956.604.831**

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	9.578.467.600	-
Nguyên liệu, vật liệu	88.393.120.744	(6.697.871.323)	97.696.727.283	(6.488.049.338)
Công cụ, dụng cụ	5.179.853.761	-	6.186.543.628	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	470.211.045.483	(12.273.040.670)	477.948.207.519	(11.202.264.969)
Thành phẩm nhập kho	60.116.314.954	(2.900.794.669)	78.128.974.842	(221.225.721)
Hàng hoá	-	-	160.695.000	-
Hàng gửi bán	664.070.652	-	-	-
Cộng	**624.564.405.594**	**(21.871.706.662)**	**669.699.615.872**	**(17.911.540.028)**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	1.212.643.816	38.492.349.247	38.425.109.454	1.279.883.609
Thuế thu nhập doanh nghiệp	207.282.145	-	190.734.202	16.547.943
Thuế thu nhập cá nhân	482.760.006	-	459.548.000	23.212.006
Các loại thuế khác	90.956.136	105.419	61.454.362	29.607.193
Cộng	**1.993.642.103**	**38.492.454.666**	**39.136.846.018**	**1.349.250.751**
b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	70.271.781.241	144.954.057.906	144.106.870.790	69.424.594.125
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.960.081.675	11.551.519.842	6.989.991.961	11.398.553.794
Thuế thu nhập cá nhân	1.584.975.428	2.854.419.295	3.932.224.117	2.662.780.250
Thuế tài nguyên	1.428.189.010	1.824.182.087	1.860.927.580	1.464.934.503
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.677.905.904	6.833.706.969	6.341.443.845	2.185.642.780
Phí, lệ phí khác phải nộp Nhà nước	91.844.763.057	6.204.892.637	785.651.410	86.425.521.830
Các loại thuế khác	1.437.838.060	403.960.010	397.030.010	1.430.908.060
Thuế xuất, nhập khẩu	-	757.270.168	757.270.168	-
Cộng	**185.205.534.375**	**175.384.008.914**	**165.171.409.881**	**174.992.935.342**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày đầu năm	**261.407.125.883**	**1.080.780.360.601**	**201.621.980.949**	**8.363.216.979**	**1.552.172.684.412**
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.852.555.530	-	-	-	2.852.555.530
Mua trong năm	-	4.372.119.113	5.881.167.796	96.290.455	10.349.577.364
Thanh lý tài sản cố định	(11.085.353.336)	(53.207.023.975)	(33.011.227.712)	-	(97.303.605.023)
Tăng/Giảm khác	-	5.369.364.637	-	-	5.369.364.637
Phân loại lại	533.907.894	(71.920.788)	(580.565.287)	118.578.181	-
Tại ngày cuối năm	**253.708.235.971**	**1.037.242.899.588**	**173.911.355.746**	**8.578.085.615**	**1.473.440.576.920**
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày đầu năm	**164.655.660.786**	**791.893.967.349**	**170.885.343.391**	**8.363.216.979**	**1.135.798.188.505**
Khấu hao trong năm	9.661.600.996	37.188.859.422	8.004.465.316	402.440.770	55.257.366.504
Thanh lý tài sản cố định	(10.581.606.222)	(43.026.468.482)	(30.752.258.106)	-	(84.360.332.810)
Tăng/Giảm khác	-	(85.200.000)	-	-	(85.200.000)
Phân loại lại	(1.664.810.638)	1.415.416.832	1.342.246.909	(1.092.853.103)	-
Tại ngày cuối năm	**162.070.844.922**	**787.386.575.121**	**149.479.797.510**	**7.672.804.646**	**1.106.610.022.199**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	**96.751.465.097**	**288.886.393.252**	**30.736.637.558**	**-**	**416.374.495.907**
Tại ngày cuối năm	**91.637.391.049**	**249.856.324.467**	**24.431.558.236**	**905.280.969**	**366.830.554.721**

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 581.096.863.569 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 210.353.197.021 đồng.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là hai căn hộ tại số 81/6 Võ Văn Ngân, Phường Linh Chiểu, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh được mua chờ tăng giá để bán với Nguyên giá và Hao mòn lũy kế đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 lần lượt là 2.745.140.454 đồng và 81.837.700 đồng và Tổng Công ty dừng trích khấu hao đối với tài sản này từ năm 2015.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày đầu năm	**28.583.669.806**	**737.500.000**	**29.321.169.806**
Mua trong năm	-	129.500.000	129.500.000
Tại ngày cuối năm	**28.583.669.806**	**867.000.000**	**29.450.669.806**
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày đầu năm	**1.050.328.933**	**737.500.000**	**1.787.828.933**
Khấu hao trong năm	18.140.400	17.686.830	35.827.230
Phân loại lại	17.116.667	(17.116.667)	-
Tại ngày cuối năm	**1.085.586.000**	**738.070.163**	**1.823.656.163**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	**27.533.340.873**	**-**	**27.533.340.873**
Tại ngày cuối năm	**27.498.083.806**	**128.929.837**	**27.627.013.643**

14. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án KĐTM Thịnh Liệt (i)	1.081.804.658.609	1.081.804.658.609	978.846.683.283	978.846.683.283
Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2 (ii)	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314
Cộng	**1.086.394.229.923**	**1.086.394.229.923**	**983.436.254.597**	**983.436.254.597**

(i) Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới Thịnh Liệt - Quận Hoàng Mai với quy mô 351.422 m2 có chức năng chính là các khu nhà ở đáp ứng cho số lượng dân khoảng 9.000 người, được nghiên cứu quy hoạch bao gồm: Biệt thự, nhà vườn; Nhà ở cao tầng; Công trình hỗn hợp; Công trình công cộng, Công trình công cộng đơn vị ở; thương mại dịch vụ, câu lạc bộ, đoàn thể, trụ sở hành chính; Trường học; Đường giao thông; Bãi đỗ xe; Cây xanh.

Dự án được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội ra quyết định cấp phép đầu tư xây dựng vào ngày 17/09/2007 cho Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng sau đó được chuyển giao lần lượt cho Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi.

Trong quá trình thi công, dự án được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt chủ trương công tác đầu tư và phê duyệt tiến độ thực hiện dự án làm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1 từ quý 2/2017 đến quý 4/2019: Giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và một số cụm công trình nhà ở xã hội.
- Giai đoạn 2 từ quý 1/2020 đến quý 4/2021: Đầu tư xây dựng và kinh doanh các hạng mục còn lại.

Hiện nay, dự án đang trong quá trình triển khai giai đoạn 1- thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

(ii) Đây là phần chi phí ban đầu để triển khai dự án, chưa có khối lượng thi công. Tổng Công ty đang trong quá trình chuyển giao chủ đầu tư mới là Công ty TNHH Thanh Bình.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

14. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN (TIẾP THEO)

b. Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí đền bù, hỗ trợ, tư vấn đất nông nghiệp CTCP VLXD Đông Anh (i)	7.084.709.941	7.084.709.941
Trụ sở làm việc và Văn phòng cho thuê tại Lô E7, đường Phạm Hùng (ii)	9.671.801.536	9.671.801.536
Sửa chữa nâng cấp dây chuyền Disa	1.526.722.695	-
Khác	1.705.168.128	2.152.778.297
Cộng	**19.988.402.300**	**18.909.289.774**

(i) Bao gồm các khoản chi phí liên quan đến quá trình đền bù, giải phóng mặt bằng của lô đất khu 2 có diện tích 14.333 m^2 tại xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh. (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 916065 do UBND Thành phố Hà Nội cấp. Trong đó: Chi phí đền bù, hỗ trợ tư vấn đất nông nghiệp 5.029.072.745 đồng, chi phí xây dựng san lấp mặt bằng 1.810.364.739 đồng và các chi phí khác 245.272.727 đồng). Tổng Công ty đang có chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng sang phân lô bán nền nhưng chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(ii) Dự án đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội thông qua thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, phương án thiết kế công trình và có công văn giới thiệu địa điểm lô E6 - Phạm Hùng (8.450 m^2) để Tổng Công ty thực hiện dự án vào ngày 03/01/2007.

Tổng Công ty Licogi - Công ty mẹ đã đặt cọc tiền đất số tiền 8.450.000.000 đồng với giá 1.000.000 đồng/m2 cho lô E6 - Phạm Hùng theo công văn số 2618/KH&ĐT-ĐT ngày 13/12/2006.

Ngày 10/08/2007, Sở Quy Hoạch - Kiến trúc Hà Nội đã điều chỉnh, bố trí lại vị trí xây dựng dự án từ lô E6 sang lô E7 (diện tích khoảng 6.500 m^2) và được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận về việc nghiên cứu lập dự án xây dựng trụ sở văn phòng tại khu đô thị mới Cầu Giấy theo công văn số 1987/QĐ - UBND ngày 11/11/2008.

Tới thời điểm hiện tại, dự án vẫn chưa tiếp tục được triển khai do các bên đầu tư cần phải điều chỉnh lại thiết kế và quy hoạch tổng thể, bổ sung một số chức năng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang cố gắng thống nhất kế hoạch thực hiện để tiếp tục triển khai dự án.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GÓP VỐN VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp VCSH	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp VCSH
			VND	VND			VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết			**378.647.154.969**	**427.427.582.263**			**378.647.154.969**	**410.615.486.410**
Công ty CP Licogi 14	25,94%	25,94%	52.372.956.000	90.395.951.287	25,94%	25,94%	52.372.956.000	99.807.843.078
Công ty CP Licogi 19	22,62%	22,62%	1.999.068.969	2.029.152.309	22,62%	22,62%	1.999.068.969	2.026.129.142
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bình Long	20,40%	40,00%	16.540.000.000	18.244.569.801	20,40%	40,00%	16.540.000.000	18.000.443.037
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	44,11%	44,11%	301.991.630.000	312.483.268.258	44,11%	44,11%	301.991.630.000	286.002.130.162
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8	23,63%	45,58%	5.743.500.000	4.274.640.608	23,63%	45,58%	5.743.500.000	4.778.940.991
Đầu tư vào công ty liên doanh			**159.253.337.143**	**236.536.796.769**			**159.253.337.143**	**214.972.070.886**
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	37,41%	42,00%	159.253.337.143	236.536.796.769	37,41%	42,00%	159.253.337.143	214.972.070.886
Tổng			**537.900.492.112**	**663.964.379.032**			**537.900.492.112**	**625.587.557.296**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty CP Licogi 12	596.700	7.895.068.192	-	596.700	7.895.068.192	-
Công ty CP Licogi 13	2.717.573	25.001.671.600	(2.174.058.400)	2.717.573	25.001.671.600	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18	1.518.750	10.530.000.000	-	1.518.750	10.530.000.000	-
Công ty CP Thủy điện Đăkđrinh	1.375.381	13.753.805.608	-	1.375.381	13.753.805.608	-
Công ty CP Đầu tư khu Công nghiệp Dầu khí Idico Long Sơn	300.000	780.000.000	-	300.000	780.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vinashin-Licogi	100.000	1.000.000.000	(85.673.179)	100.000	1.000.000.000	(85.673.179)
Công ty CP Quản lý Dự án và Xây dựng Licogi	30.000	300.000.000	(257.368.101)	30.000	300.000.000	(257.368.101)
Cộng		**59.260.545.400**	**(2.517.099.680)**		**59.260.545.400**	**(343.041.280)**

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 18.1	90.227.324.393	90.227.324.393	19.359.100.513	19.359.100.513
Công ty CP Licogi 13	49.062.896.405	49.062.896.405	80.360.997.405	80.360.997.405
Công ty CP Licogi 16	37.628.594.020	37.628.594.020	41.244.903.354	41.244.903.354
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 18	33.249.334.491	33.249.334.491	25.403.729.985	25.403.729.985
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và khai thác mỏ Tân Việt Bắc	15.928.014.655	15.928.014.655	17.200.052.752	17.200.052.752
Công ty CP Sông Đà 7	5.599.168.222	5.599.168.222	10.995.665.990	10.995.665.990
Phải trả các đối tượng khác	512.954.714.594	512.954.714.594	572.997.563.845	572.997.563.845
Cộng	**744.650.046.780**	**744.650.046.780**	**767.562.013.844**	**767.562.013.844**
b. Phải trả người bán là bên liên quan *(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)*	**2.682.899.716**	**2.682.899.716**	**1.432.899.716**	**1.432.899.716**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Khách hàng dự án Nam Ga Hạ Long	124.690.516.229	124.690.516.229	127.412.252.992	127.412.252.992
Công ty CP Thủy điện thượng Sơn Tây	32.750.000.000	32.750.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô	30.707.123.540	30.707.123.540	30.707.123.540	30.707.123.540
Khách hàng dự án Khu đô thị Đông Hưng Thái Bình	25.982.058.700	25.982.058.700	25.982.058.700	25.982.058.700
Công ty CP Thủy điện Thiên Tân	18.417.250.785	18.417.250.785	18.417.250.785	18.417.250.785
Công ty CP Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh	9.431.631.744	9.431.631.744	9.431.631.744	9.431.631.744
Các đối tượng khác	94.059.092.825	94.059.092.825	102.805.008.399	102.805.008.399
Cộng	**336.037.673.823**	**336.037.673.823**	**314.755.326.160**	**314.755.326.160**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lãi vay	82.976.829.874	73.272.335.371
Chi phí phải trả các công trình xây dựng	181.730.965.864	114.513.189.706
Dự án C8 mở rộng (Quảng Ninh)	1.958.581.502	1.988.581.502
Dự án C5-C8 (Quảng Ninh)	3.601.719.453	3.601.719.453
Dự án Đồi T5 (Quảng Ninh)	4.013.111.815	18.417.961.333
Công trình Thủy điện Đăkrinh	16.072.791.214	16.072.791.214
Công trình Thủy điện Suối Chăn 2	26.794.598.660	26.794.598.660
Chi phí phải trả các công trình khác và các khoản khác	129.290.163.220	47.637.537.544
Cộng	**264.707.795.738**	**187.785.525.077**

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN/ DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Phải trả ngắn hạn khác		
Tài sản thừa chờ giải quyết	68.714.425	68.714.425
Kinh phí công đoàn	6.314.921.784	5.978.029.835
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	53.011.628.915	51.830.584.480
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.305.865.370	-
Phải trả về cổ phần hoá	14.342.961.818	14.342.961.818
Công ty TNHH Thanh Bình (i)	2.500.000.000	2.500.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	156.278.030.012	144.894.938.503
Cộng	**235.822.122.324**	**219.615.229.061**
b. Phải trả dài hạn khác		
Công ty TNHH Đầu tư và tư vấn Hải Dương (ii)	165.000.000.000	165.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông (iii)	60.000.000.000	60.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.569.079.258	2.569.079.258
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.275.000.000	1.461.834.001
Phải trả ông Nguyễn Đức Miêng	4.989.966.817	4.989.966.817
Cộng	**233.834.046.075**	**234.020.880.076**
c. Phải trả khác là các bên liên quan *(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)*	**60.000.000.000**	**60.625.000.000**

(i) Đây là khoản tiền đặt cọc liên quan đến hoạt động chuyển nhượng Dự án Thủy điện Cảm Thủy 2 với Tổng Công ty.

(ii) Theo biên bản thỏa thuận ngày 30 tháng 06 năm 2018, Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương chuyển cho Tổng Công ty để bảo lãnh thực hiện hợp đồng liên quan đến thực hiện công tác giải phóng mặt bằng theo phụ lục hợp đồng số 18A/2017/HĐ-QLDA ngày 21/6/2017.

(iii) Ngày 25/09/2014, Tổng Công ty - Công ty mẹ đã ký hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông, hiện là cổ đông lớn của Tổng Công ty - Công ty mẹ. Đây là khoản đặt cọc của Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông cho Tổng Công ty - Công ty mẹ để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

		Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
		Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Vay ngắn hạn		**1.695.569.104.427**	**1.695.569.104.427**	**1.506.153.345.806**	**1.412.216.191.532**	**1.601.631.950.153**	**1.601.631.950.153**
Tổng Công ty Licogi - CTCP (Công ty mẹ)	(i)	877.750.547.639	877.750.547.639	296.303.079.132	309.125.508.373	890.572.976.880	890.572.976.880
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	(ii)	63.531.901.815	63.531.901.815	205.123.372.364	212.282.260.844	70.690.790.295	70.690.790.295
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	(iii)	253.641.633.493	253.641.633.493	618.527.758.863	621.214.650.759	256.328.525.389	256.328.525.389
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	(iv)	158.527.401.996	158.527.401.996	207.638.251.210	130.427.725.612	81.316.876.398	81.316.876.398
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	(v)	26.518.041.247	26.518.041.247	25.913.039.747	31.428.546.989	32.033.548.489	32.033.548.489
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	(vi)	39.287.228.532	39.287.228.532	10.565.333.795	28.030.758.617	56.752.653.354	56.752.653.354
Công ty CP Licogi 17	(vii)	33.122.830.661	33.122.830.661	66.820.659.019	72.239.073.588	38.541.245.230	38.541.245.230
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	(viii)	96.181.504.966	96.181.504.966	15.895.000.000	-	80.286.504.966	80.286.504.966
Công ty CP Licogi 15	(ix)	32.682.076.631	32.682.076.631	1.257.677.708	4.900.282.545	36.324.681.468	36.324.681.468
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và XD 20	(x)	49.657.309.923	49.657.309.923	1.563.198.921	2.527.384.205	50.621.495.207	50.621.495.207
Công ty CP Lắp máy Điện nước	(xi)	9.682.627.524	9.682.627.524	1.559.975.047	40.000.000	8.162.652.477	8.162.652.477
Công ty TNHH MTV ĐT và XD Licogi số 2	(xii)	54.986.000.000	54.986.000.000	54.986.000.000	-	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả		**20.270.079.923**	**20.270.079.923**			**28.658.595.129**	**28.658.595.129**
Tổng Công ty Licogi - CTCP (Công ty mẹ)		9.935.842.316	9.935.842.316			14.814.555.185	14.814.555.185
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh		1.537.623.260	1.537.623.260			1.176.119.881	1.176.119.881
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi		6.496.614.347	6.496.614.347			6.870.614.347	6.870.614.347
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi		2.300.000.000	2.300.000.000			3.200.000.000	3.200.000.000
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10		-	-			2.597.305.716	2.597.305.716
Cộng		**1.715.839.184.350**	**1.715.839.184.350**			**1.630.290.545.282**	**1.630.290.545.282**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(i) Tổng Công ty Licogi- CTCP (Công ty mẹ)

- Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm theo hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-202001921 ngày 11 tháng 12 năm 2020. Hạn mức cấp tín dụng là 110.000.000.000 đồng, bao gồm hạn mức vay ngắn hạn tối đa 100 tỷ VNĐ, hạn mức cấp bảo lãnh tối đa trong phạm vi hạn mức cấp tín dụng còn lại. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 9,5%/năm và áp dụng lãi suất thả nổi, thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng tối đa 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo là Hợp đồng thế chấp số 01/2016/ĐS ngày 21/07/2016 kèm phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/2016/ĐS-PL03.2020 ngày 25/11/2020 (thế chấp máy móc thiết bị) và Hợp đồng cầm cố cổ phiếu 2018-02/HĐCC-1 ký ngày 04/11/2019 và Phụ lục hợp đồng cầm cố số 2018-02/HĐCC/PLHDCC-2 ký ngày 25/11/2020 (thế chấp cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 thuộc sở hữu của Tổng Công ty Licogi - CTCP). Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2020 là 99.972.193.451 đồng

- Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 1480-LAV-201800196 ngày 21 tháng 08 năm 2018. Hạn mức cấp tín dụng là 50.000.000.000 đồng. Lãi suất vay 8%/năm. Thời hạn hiệu lực cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này. Thời hạn của khoản vay tối đa là 10 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay trên từng giấy nhận nợ. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động cho hoạt động xây dựng chuyên dụng, xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, xây dựng công ích, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, lắp đặt hệ thống xây dựng. Tài sản đảm bảo là một số máy móc, thiết bị của Tổng công ty Licogi - CTCP và các chi nhánh phụ thuộc của Tổng Công ty. Số dư nợ gốc tính đến ngày 31/12/2020 là 21.748.146.603 đồng. Phụ lục hợp đồng tín dụng số 03/PLHĐ ngày 05 tháng 05 năm 2020 về việc cơ cấu lại hạn trả nợ gốc và lãi.

- Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 1480LAV201700283 ngày 31 tháng 10 năm 2017. Số tiền vay tối đa là 13.500.000.000 đồng. Lãi suất vay 8,5%/năm. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán tiền thi công. Tài sản bảo đảm là quyền đòi nợ đối với Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà theo HĐ thế chấp số 02/THN-Li1 ngày 25/12/2015, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 28/12/2015. Phạm vụ bảo đảm cho dư nợ tối đa là 9.800.000.000 đồng và 3 xe ô tô tự đổ, 2 máy xúc thủy lực bánh xích gầu nghịch, 3 xe ô tô Mix vận chuyển bê tông theo hợp đồng thế chấp số 02/THN-Li1 ngày 25/12/2015, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 28/12/2015. Phạm vi bảo đảm là 3.750.000.000 đồng. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2020 là 11.800.000.000 đồng (HĐ đã quá hạn).

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/134627/HĐTD ngày 22 tháng 01 năm 2020. Hạn mức cấp tín dụng tối đa là 498.000.000.000 đồng (gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ đã quy đổi), trong đó bao gồm hạn mức cho vay ngắn hạn 298 tỷ VNĐ và hạn mức bảo lãnh (không bao gồm bảo lãnh thanh toán) 200 tỷ VNĐ. Thời hạn cấp hạn mức là kể từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 31/12/2020. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể . Tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị và một số tài sản cố định khác. Số dư nợ gốc tính đến ngày 31/12/2020 là 297.926.986.953 đồng.

- Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 1300-LAV-202000487 ngày 25 tháng 05 năm 2020. Hạn mức cấp tín dụng là 80.000.000.000 đồng. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8%/năm và có điều chỉnh. Thời hạn hiệu lực của hạn mức cấp tín dụng đến hết ngày 25 tháng 05 năm 2021. Thời hạn của khoản vay tối đa là 9 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay trên từng giấy nhận nợ. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay là 8,5%/năm. Tài sản đảm bảo bao gồm: Hợp đồng cầm cố cổ phần số 1300-LCP-201900526, số 1300-LCP-201900527, số 1300-LCP-201900528, số 1300-LCP-201900529 ngày 23/04/2019; và hợp đồng thế chấp tài sản số 1300-LCP-201900524 ngày 23/04/2019 (thế chấp máy khoan cọc nhồi Nippon Sharyo). Số dư nợ gốc tính đến ngày 31/12/2020 là 49.804.105.348 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(i) Tổng Công ty Licogi- CTCP (Công ty mẹ) (Tiếp theo)

- Hợp đồng vay số 10_2019/HĐV_LICOGI ký ngày 22 tháng 04 năm 2019 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty Cổ phần AZURA nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh thông thường. Thời hạn vay là từ ngày 22/04/2019 đến ngày 22/07/2019. Tài sản đảm bảo là 28.650.727 cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà, 2.641.537 cổ phiếu Công ty Cổ phần Licogi 14 và 2.717.573 cổ phiếu Công ty Cổ phần Licogi 13. Giá trị cổ phiếu theo hợp đồng là 610.282.747.060 đồng. Lãi suất vay tại ngày ký hợp đồng là 14% /năm. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2020 là 217.500.000.000 đồng.

- Các hợp đồng vay ký kết giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông với mục đích phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt. Lãi suất vay 8%/năm. Thời hạn vay của các hợp đồng dưới 12 tháng. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2020 là 6.248.197.156 đồng.

- Hợp đồng vay số 02/2017/HĐVV/LICOGI-XUAN CAU kí ngày 18 tháng 12 năm 2017 giữa Tổng Công ty và Công ty CP Đầu tư Xuân Cầu nhằm phục vụ thanh toán nợ đến hạn Ngân hàng và các khoản nợ đến hạn khác của Tổng Công ty. Thời hạn vay là 09 tháng kể từ ngày giải ngân. Phụ lục hợp đồng vay vốn số 05/2020/PLHĐVV/LICOGI-XUANCAU gia hạn khoản vay đến ngày 31/12/2020. Lãi suất cho vay tại thời điểm hiện tại là 14,5%/năm. Tài sản đảm bảo là 12.000.000 cổ phiếu Công ty CP Cơ khí Đông Anh. Số dư nợ vay đến thời điểm 31/12/2020 là 85.000.000.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 18/2011/HĐTD/TSCĐ-LICOGI ký ngày 30 tháng 12 năm 2011 giữa Tổng Công ty Licogi -CTCP và Tổng Công ty Sông Đà với số tiền 20.000.000.000 đồng nhằm mục đích đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Bắc Hà. Thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay 20%/năm. Các khoản vay được đảm bảo bằng cổ phiếu của một số đơn vị do Tổng Công ty nắm giữ. Khoản vay này đã đáo hạn. Số dư nợ gốc tính đến ngày 31/12/2020 là 8.500.000.000 đồng.

- Bao gồm một số hợp đồng vay với cá nhân và các đơn vị khác. Trong đó bao gồm Hợp đồng vay số 304_2018/HĐV_LICOGI ký ngày 31 tháng 05 năm 2018 giữa Tổng Công ty Licogi – CTCP và ông Nguyễn Xuân Thắng nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh thông thường. Phụ lục hợp đồng vay vốn số 04/2020/PLHĐ/LICOGI gia hạn khoản vay đến hết ngày 30/06/2021. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày toàn bộ các khoản vay quy định trong hợp đồng được chuyển đầy đủ vào tài khoản cho Tổng Công ty. Tài sản đảm bảo là 2.563.566 cổ phiếu thuộc sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty CP Cơ giới và xây lắp số 9 (Licogi 9). Lãi suất vay là 9%/năm. Số dư nợ vay tính đến thời điểm 31/12/2020 là 20 tỷ đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(ii) Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh

- Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Đông Anh. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích khoản vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở Thư tín dụng L/C. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ gốc tính đến ngày 31/12/2020 là 47.304.922.265 đồng.

- Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lương Sơn. Lãi suất 8%/năm. Mục đích khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ quá trình sản xuất tấm lợp fibroximang. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Tổng Công ty với tổng giá trị 5.800.000.000 đồng. Số dư nợ vay tính đến ngày 31/12/2020 là 2.911.624.016 đồng.

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 20093/HĐTD.DAH ngày 07 tháng 05 năm 2020. Hạn mức cho vay là 15.000.000 đồng bao gồm số dư phát hành thư tín dụng có nguồn thanh toán từ nguồn vay theo hợp đồng này. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nhưng không quá 06/06/2021. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Mục đích sử dụng vốn vay là để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi nhận trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm theo (các) biện pháp bảo đảm và/ hoặc Hợp đồng bảo đảm quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng. Số dư nợ vay tính đến ngày 31/12/2020 là 6.114.849.676 đồng.

- Các khoản vay huy động vốn cá nhân và các đối tượng khác với lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Công ty vay để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay không có tài sản bảo đảm. Số dư nợ vay tính đến ngày 31/12/2020 là 7.200.505.858 đồng.

(iii) Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi

- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 70/2019-HĐCVHM/NHCT144-CKĐA ngày 03/12/2019 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay ngày 03/12/2020. Hạn mức cấp tín dụng: 120.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ, được xác định trên từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 28/02/2021. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các hình thức đảm bảo tiền vay: thực hiện theo các hợp đồng cầm cố/ thế chấp/ bảo lãnh/ ký quỹ được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này mà Điều khoản về Phạm vi bảo đảm của (các) Hợp đồng bảo đảm bao gồm Hợp đồng này. Số dư nợ vay tính đến thời điểm 31/12/2020 là 60.540.340.777 đồng.

- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/153720/HĐTD ngày 13 tháng 07 năm 2020. Hạn mức cấp tín dụng: 200.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Thời hạn của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Các hình thức đảm bảo tiền vay: thực hiện theo các hợp đồng cầm cố/ thế chấp/ bảo lãnh/ ký quỹ được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này mà Điều khoản về Phạm vi bảo đảm của (các) Hợp đồng bảo đảm bao gồm Hợp đồng này. Số dư nợ vay tính đến thời điểm 31/12/2020 là 48.184.188.990 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(iii) Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (Tiếp theo)

- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/20/CTD/VCB.CD-CKDA ngày 08 tháng 05 năm 2020. Hạn mức cấp tín dụng: 120.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 08 tháng 05 năm 2021. Mục đích của khoản vay được quy định cụ thể trong các hợp đồng, thỏa thuận. Các hình thức bảo đảm tiền vay: theo các biện pháp bảo đảm và hợp đồng bảo đảm quy định tại hợp đồng cấp tín dụng. Số dư nợ vay tính đến thời điểm 31/12/2020 là 59.256.681.197 đồng.

- Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đông Anh theo Hợp đồng cấp tín dụng số 47007.20.031.588099.TD ngày 18 tháng 09 năm 2020. Hạn mức cấp tín dụng: 60.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ. Thời hạn hợp đồng đến ngày 11/06/2021. Mục đích vay là để phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm nhôm, đúc cơ khí, kết cấu thép và giàn không gian. Biện pháp bảo đảm khoản vay là thế chấp hợp đồng tiền gửi, động sản, bất động sản chi tiết theo hợp đồng này. Số dư nợ vay tính đến thời điểm 31/12/2020 là 10.757.862.998 đồng.

- Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo bản thỏa thuận chung về tiện ích số 04 ngày 26 tháng 06 năm 2019 căn cứ vào thỏa thuận chung về tiện ích số VHN 155676. Tổng hạn mức tiện ích là 114.000.000.000 VNĐ hoặc USD tương đương. Lãi suất được điều chỉnh cụ thể theo thông báo của Ngân hàng. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày của Thỏa thuận và được tự động gia hạn nhiều lần và mỗi lần gia hạn 12 tháng trừ khi có thông báo khác từ Ngân hàng. Mục đích vay: bổ sung vốn phục vụ cho nhu cầu dịch vụ thương mại. Tài sản đảm bảo là Hợp đồng cầm cố tiền gửi số VHN 100481/MR và các bản sửa đổi của Công ty; Hợp đồng thế chấp hàng hóa trong kho số VHN 100481/MS, bản sửa đổi lần thứ 05 của hợp đồng cầm cố số VHN 100481/DUL ngày 26/06/2019.

(iv) Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9

- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng vay hạn mức số 84.01/2020/378369/HDTD ngày 17 tháng 09 năm 2020. Hạn mức cho vay không vượt quá 34.607.000.000 đồng, bao gồm hạn mức cho vay 28.607.000.000 đồng và bảo lãnh thanh toán 6.000.000.000 đồng, trong đó bao gồm toàn bộ dư nợ vay tại hợp đồng 14/2019/378369/HĐTD ngày 05/04/2019. Thời gian duy trì hạn mức 12 tháng. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh. Thời gian vay của từng khoản nợ được quy định trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 03 tháng. Lãi suất cho vay là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là các tài sản theo các hợp đồng thế chấp tại ngân hàng và các văn bản sửa đổi bổ sung. Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2020 là 28.573.126.000 đồng.

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa theo Hợp đồng vay hạn mức số 141.20/48.05-HMBL ngày 15 tháng 10 năm 2020. Hạn mức cho vay không vượt quá 80.000.000.000 đồng. Thời gian duy trì hạn mức 12 tháng. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh. Thời gian vay của từng khoản nợ được quy định trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 03 tháng. Lãi suất cho vay là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là các tài sản theo các hợp đồng thế chấp tại ngân hàng và các văn bản sửa đổi bổ sung. Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2020 là 49.399.275.996 đồng.

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2020/HMTD/VPB-LICOGI9 ngày 12 tháng 02 năm 2020. Hạn mức cho vay không vượt quá 200.000.000.000 đồng, bao gồm hạn mức cho vay và các hình thức cấp tín dụng tương đương vay là 150.000.000.000 đồng (trong đó: Dư nợ vay và các hình thức cấp tín dụng tương đương vay có tài sản đảm bảo không vượt quá 80.000.000.000 đồng). Thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh. Thời hạn vay của từng khoản nợ được quy định trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 12 tháng. Lãi suất cho vay là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là 8.009.700 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi thuộc sở hữu của Tổng Công ty Licogi - CTCP và phần vốn góp của Tổng Công ty Licogi - CTCP tại Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi. Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2020 là 80.000.000.000 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(iv) Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (Tiếp theo)

- Khoản vay cá nhân theo hợp đồng vay vốn có thời hạn dưới 12 tháng, lãi suất vay tính theo lãi suất bên vay của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam theo từng thời điểm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2020 là 555.000.000 đồng.

(v) Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi

- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi. Lãi suất được xác định theo từng Hợp đồng cụ thể. Lãi suất thả nổi điều chỉnh 06 tháng/lần vào ngày 01 của tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh và bằng lãi suất tiết kiệm trả sau loại tiền VND kỳ hạn 12 tháng của BIDV. Thời hạn cấp tín dụng đến hết 30/06/2021. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Khoản vay được đảm bảo bởi các Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất, quyền khai thác khoáng sản và tài sản hình thành trong tương lai. Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2020 là 26.173.041.247 đồng.
- Vay huy động vốn cá nhân. Lãi suất 5%-17%/năm. Thời hạn vay 12 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2020 là 345.000.000 đồng.

(vi) Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10

- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng.Lãi suất được quy định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh. Thế chấp máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Biện pháp bảo đảm khoản vay: Thế chấp Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất lô 06 - 07, khu dân cư Tây Cầu Dứa, xã Vĩnh Hiệp, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Dư nợ vay tại ngày 31/12/2020 là 25.354.660.364 đồng.
- Vay huy động vốn cá nhân. Lãi suất vay 8,5%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Dư nợ vay tại ngày 31/12/2020 là 13.932.568.168 đồng.

(vii) Công ty Cổ phần Licogi 17

- Vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hải Dương theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2020/219065/HĐTD ngày 18/06/2020 với hạn mức tối đa là 25 tỷ đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 18/06/2021, lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là các máy móc thiết bị, phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty; nhà làm việc Công ty cổ phần Licogi 17 và các hạng mục phụ trợ khác trên thửa đất số CD 447773 số vào sổ cấp GCN CT 00224 do UBND tỉnh Hải Dương cấp ngày 14/10/2016,chủ sở hữu công ty cổ phần Licogi 17. Dư nợ vay tại ngày 31/12/2020 là 24.600.515.562 đồng.
- Vay cá nhân phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất 1,16%/tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 09 năm 2020. Từ ngày 01 tháng 10 năm 2020, lãi suất là 0,84%. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Dư nợ vay tại ngày 31/12/2020 là 8.522.315.099 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(viii) Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi

- Khoản vay Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông theo hợp đồng số 19/2016/HĐV-LCG-KDG ngày 07 tháng 11 năm 2016, hợp đồng số 06/2019/HDV-LCG-KDG ngày 12/08/2019, hợp đồng số 11/2019/HĐV-LCG-KĐG và hợp đồng số 04/2020 HĐV-LCG-KĐG ngày 22/05/2020. Thời hạn 12 tháng, lãi suất vay 8-10%/năm. Mục đích vay để thực hiện dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt. khoản vay không có tài sản đảm bảo và được tự động gia hạn tái tục thêm 1 kỳ hạn với các điều khoản tương đương nếu không có bất kỳ thỏa thuận nào khác. Số dư nợ vay đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 53.975.000.000 đồng.
- Khoản vay Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản MIK HOME theo các hợp đồng vay vốn số 1010/2018/HĐV-LCG-MIK HOME ngày 10/10/2018, hợp đồng vay vốn số29/2018/ HĐV-LCG-MIK HOME ngày 24/09/2018, hợp đồng vay vốn số 2112/2018/HĐV-LCG-MIK HOME ngày 21/12/2018. Lãi suất của khoản vay là 10%/ năm. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích khoản vay để chi trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng, thanh toán tiền cho nhà thầu, nhà cung cấp, thanh toán chi phí cưỡng chế các hộ dân và chi phí hoạt động của Công ty phục vụ dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt và mua 11 căn hộ chung cư tại Dự án Khu nhà ở cao tầng, văn phòng làm việc và nhà ở thấp tầng tại Thịnh Liệt. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ vay đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 40.092.357.966 đồng.
- Các khoản vay cá nhân với lãi suất 10-12%/năm. Thời hạn vay 12 tháng. Mục đích vay để thực hiện giải phóng mặt bằng cho dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ vay đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 2.114.147.000 đồng.

(ix) Công ty Cổ phần Licogi 15

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô. Lãi suất áp dụng cho từng lần nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo là Hợp đồng thế chấp tài sản. Số dư nợ vay đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 16.974.976.455.
- Vay huy động vốn cá nhân. Lãi suất áp dụng cho từng lần nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ vay đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 15.707.100.176 đồng.

(x) Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20

- Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Tây Hà Nội theo hợp đồng vay số 1480LAV201800186 với hạn mức tối đa 36.500.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh 17.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay 8.5%/năm (lãi suất cố định). Mục đích vay vốn là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thi công công trình, xử lý nền móng. Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng vay. Tài sản đảm bảo là các tài sản thuộc quyền sở hữu của công ty theo từng hợp đồng thế chấp cụ thể với ngân hàng. Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2020 là 19.429.494.431 đồng.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ theo Hợp đồng vay số 01/2018/134624/HĐTD với hạn mức tín dụng thường xuyên tối đa 78.000.000.000 đồng, hạn mức cho vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán và mở LC (trừ phần ký quỹ) tối đa 38.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay được quy định tại từng văn bản nhận nợ. Mục đích vay vốn là bổ sung lưu động, bảo lãnh, mở LS phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tài sản đảm bảo là các tài sản thuộc quyền sở hữu của công ty theo từng hợp đồng thế chấp cụ thể với ngân hàng. Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2020 là 30.227.815.492 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(xi) Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước

- Vay ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Tây Hà Nội theo hợp đồng Hợp đồng tín dụng số 1480-LAV-201200231/HĐTD ngày 15/06/2012 với hạn mức tối đa là 10 tỷ đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất được xác định trong từng khế ước nợ cụ thể theo lãi suất thả nổi có điều chỉnh, thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ nhưng không quá 8 tháng. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp. Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2020 là 4.900.956.630 đồng.

- Vay Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà với mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất vay 16%/năm. Quá thời hạn vay nếu không thanh toán hết khoản vay thì lãi suất là 24%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng các giá trị đã thi công tại công trình Dự án thủy điện Nậm Pháng B chưa được nghiệm thu thanh toán tương ứng với giá trị vay cùng tiền lãi khi đến hạn thanh toán. Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2020 là 2.850.000.000 đồng.

- Vay huy động vốn cá nhân. 9% - 9,5%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2020 là 1.931.670.894 đồng.

(xii) Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2

- Hợp đồng cho vay số 6088345/2020/HDCV/VPB-LICOGI2 ngày 27 tháng 08 năm 2020, số tiền cho vay tối đa là 54.986.000.000 đồng, thời hạn cho vay tối đa đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2021, mục đích sử dụng vốn vay là để thanh toán tạm ứng tiền vật tư theo Hợp đồng số 1001-2/2020/HĐMB ngày 10 tháng 04 năm 2020 (giá trị giải ngân tối đa 15.386.000.000 đồng) và Hợp đồng số 1001-1/2020/HĐMB ngày 10 tháng 04 năm 2020 (giá trị giải ngân tối đa 39.600.000.000 đồng giữa Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2 và Tổng Công ty Licogi - Công ty Cổ phần. Lãi suất cho vay trong hạn là 9,9%/năm tại thời điểm giải ngân và sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 04 hàng tháng. Chi phí lãi vay liên quan đến khoản vay này sẽ được Tổng công ty Licogi - Công ty Cổ phần thanh toán thay cho Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Licogi 2. Các biện pháp bảo đảm cho khoản vay bao gồm: Thế chấp bằng cổ phiếu của Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi (mã cổ phiếu CKD) thuộc sở hữu của Tổng công ty Licogi - Công ty Cổ phần; Thế chấp bằng tài sản bảo đảm là phần góp vốn thuộc sở hữu của Tổng công ty Licogi - Công ty Cổ phần tại Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi. Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2020 là 54.986.000.000 đồng

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

		Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
		Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
b. Vay dài hạn		**259.698.442.981**	**259.698.442.981**	**5.395.039.205**	**112.554.322.598**	**366.857.726.374**	**366.857.726.374**
Tổng Công ty Licogi - CTCP (Công ty mẹ)	(i)	199.395.842.316	199.395.842.316	125.000.000	95.689.555.185	294.960.397.501	294.960.397.501
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	(ii)	1.871.679.205	1.871.679.205	3.703.679.205	3.629.743.141	1.797.743.141	1.797.743.141
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	(iii)	12.674.185.697	12.674.185.697	-	6.067.657.344	18.741.843.041	18.741.843.041
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	(iv)	1.127.800.000	1.127.800.000	-	3.370.200.000	4.498.000.000	4.498.000.000
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	(v)	3.003.593.288	3.003.593.288	-	900.000.000	3.903.593.288	3.903.593.288
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	(vi)	3.504.798.075	3.504.798.075	-	2.897.166.928	6.401.965.003	6.401.965.003
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	(vii)	25.813.544.400	25.813.544.400	1.566.360.000	-	24.247.184.400	24.247.184.400
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	(viii)	12.307.000.000	12.307.000.000	-	-	12.307.000.000	12.307.000.000
Cộng		**259.698.442.981**	**259.698.442.981**			**366.857.726.374**	**366.857.726.374**
Nợ dài hạn đến hạn trả		**(20.270.079.923)**	**(25.213.979.606)**			**(28.658.595.129)**	**(28.658.595.129)**
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng		**239.428.363.058**	**234.484.463.375**			**338.199.131.245**	**338.199.131.245**

(i) Tổng Công ty Licogi - CTCP (Công ty mẹ)

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 01/2013/HĐTD ngày 16 tháng 09 năm 2013 với số tiền 88.982.600.000 đồng, thời hạn vay 8 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, lãi suất áp dụng theo thông báo lãi suất cho vay trung dài hạn của Ngân hàng tại thời điểm nhận nợ vay, được điều chỉnh 03 tháng/ lần. Mục đích sử dụng tiền vay là đầu tư thiết bị khoan cọc nhồi và các thiết bị phục vụ theo Quyết định số 14A/12/QĐ-HĐTV-ĐTTB ngày 22 tháng 04 năm 2013 của hội đồng thành viên Tổng công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng v/v Phê duyệt dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị (Thiết bị khoan cọc nhồi và các thiết bị phụ trợ thi công nền móng). Tài sản bảo đảm là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có hình thành trong tương lai, toàn bộ số dư tiền gửi từ hoạt động sản xuất kinh doanh bằng tiền VNĐ và ngoại tệ tại Ngân hàng và các TCTD khác, doanh thu chuyển về tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng. Số dư gốc vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 là 9.935.842.316 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(i) Tổng Công ty Licogi - CTCP (Công ty mẹ) (Tiếp theo)

- Các hợp đồng vay giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông nhằm mục đích phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt với số tiền 270.210.000.000 đồng. Lãi suất vay từ 8-10%/năm nhằm mục đích phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt. Theo phụ lục hợp đồng, kỳ hạn trả nợ gốc của các hợp đồng được gia hạn đến ngày 27 tháng 03 năm 2021. Số dư gốc vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 là 189.460.000.000 đồng.

(ii) Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh

- Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội. Lãi suất cho vay áp dụng theo lãi suất thả nổi. Mục đích vay để đầu tư nâng cấp cải tạo dây chuyền sản xuất tấm lợp AC số 01 giai đoạn 1 tại xí nghiệp tấm lợp AC Đông Anh, Hà Nội. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay tính đến ngày 31/12/2020 là 1.871.679.205 đồng.

(iii) Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi

- Khoản vay theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 12/2017-HĐCVDAĐT/NHCT144-CKĐA ngày 03 tháng 11 năm 2017 tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đông Anh. Hạn mức cho vay: 11.225.000.000 đồng. Lãi suất cho vay quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng trong 12 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên lãi suất là 7,5%/năm. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích để thanh toán các chi phí hợp lý cho Dự án Đầu tư dây chuyền làm khuôn đúc phụ tùng bằng công nghệ Alphaset công suất 2.000 tấn/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo các Hợp đồng theo các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng bảo đảm được ký kết với Ngân hàng hoặc các biện pháp bảo đảm khác được xác lập trước, cùng và/hoặc sau thời điểm ký kết hợp đồng. Số dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2020 là 2.719.658.670 đồng, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 1.359.829.332 đồng.

- Khoản vay theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 15/2018-HDDCVDADADDT/NHCT144-CKDA ngày 21 tháng 05 năm 2018 tại Ngân hàng TMCP Công thương – Chi nhánh Đông Anh. Hạn mức cho vay: 20.037.000.000 đồng. Lãi suất cho vay quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng trong 12 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên lãi suất là 7,5%/năm. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay để thanh toán các chi phí hợp lý đầu tư hợp pháp của Dự án Đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất nhôm định hình tại Nhà máy Nhôm Đông Anh – Giai đoạn 1. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo các Hợp đồng theo các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng bảo đảm được ký kết với Ngân hàng hoặc các biện pháp bảo đảm khác được xác lập trước, cùng và/hoặc sau thời điểm ký kết hợp đồng, trong đó có Hợp đồng bảo đảm số 18/2018/HĐBĐ/NHCT144-CKDA ngày 11/05/2018. Số dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2020 là 8.832.527.027 đồng, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 4.014.785.015 đồng.

- Khoản vay theo hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 01/15/DH/VCB.CD-CKĐA ngày 30 tháng 12 năm 2015 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Chương Dương. Hạn mức cho vay: 9.639.000.000 đồng. Lãi suất cho vay theo lãi suất cơ sở là 6,0%/năm và cộng với mức biên là 3,4%/năm. Thời hạn vay 68 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay là thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị gia công chế tạo giàn không gian năm 2015, cụ thể đầu tư mua sắm 01 máy phay 5 trục; 01 máy tiện CNC và 01 máy búa hơi 1000kg. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai từ vốn tự có của Bên vay và vốn vay từ Ngân hàng thuộc Dự án, cụ thể bao gồm 01 máy phay 5 trục, 01 máy tiện CNC và 01 máy búa hơi 1000kg với tổng giá trị tạm tính là 10.337.409.091 đồng và các biện pháp đảm bảo khác theo yêu cầu của Ngân hàng. Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 1.122.000.000 đồng, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 1.122.000.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường
Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(iv) Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quận 4 theo Hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201701166 ngày 25 tháng 10 năm 2017. Tổng số tiền vay 2.064.000.000 đồng. Thời hạn vay 84 tháng. Mục đích vay là để thanh toán tiền mua xe ô tô con Mercerdes-Benz E300 AMG. Lãi suất cho vay được ghi trên giấy nhận nợ. Tài sản bảo đảm là các tài sản hình thành từ vốn vay. Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2020 là 1.127.800.000 đồng.

(v) Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi

- Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi. Lãi suất trong hạn từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/12/2016 áp dụng lãi suất 10%/năm, sau đó áp dụng lãi suất thả nổi được điều chỉnh 6 tháng 1 lần vào ngày 01 của tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh và bằng lãi suất tiết kiệm trả sau loại tiền VND của BIDV Quảng Ngãi tại thời điểm điều chỉnh + tối thiểu 3,5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay và không cao hơn trần lãi suất cho vay theo quy định của BIDV. Thời hạn vay 7 năm kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực. Mục đích vay để đầu tư dự án khai thác mỏ đá núi Cà Ty, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Tài sản đảm bảo: Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án hệ thống dàn giáo, đá đỡ phục vụ thi công và quyền khai thác, khoáng sản số 02/2015/711559/HĐBD ngày 01/10/2015. Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2020 là 3.003.593.288 đồng, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 2.300.000.000 đồng.

(vi) Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10

- Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nam Đà Nẵng. Lãi suất quy định tại từng văn bản nhận nợ. Thời hạn vay 60 tháng. Mục đích vay để đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất nhôm kính kết cấu tại KCN Hòa Cầm, Đà Nẵng. Tài sản đảm bảo: Máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay tại xưởng sản xuất cửa nhôm kính kết cấu, đường số 9 - KCN Hòa Cầm - Đà Nẵng; Nhà xưởng, vật kiến trúc tại đường số 9 - KCN Hòa Cầm - Đà Nẵng theo quyết định về việc phê duyệt Dự án đầu tư xưởng sản xuất nhôm kính kết cấu của Tổng Công ty Licogi - CTCP Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 ngày 28/03/2016

- Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nam Đà Nẵng. Lãi suất quy định tại từng văn bản nhận nợ. Thời hạn vay 48 tháng . Mục đích vay để đầu tư máy móc thiết bị và xe máy chuyên dùng phục vụ HĐ xây lắp theo HĐKT số 2001/2017/HĐKT/LICOGI10-358 ngày 21/07/2017. Tài sản đảm bảo: 2 xe xúc lật, 1 máy cào vơ, 4 ô tô điện, quạt gió khử bụi và băng tải theo HĐKT số 2001/2017/HĐKT/LICOGI10-358 ngày 21/07/2017 giữa công ty với CTCP Đầu tư Xây dựng 358.

- Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nam Đà Nẵng. Lãi suất quy định tại từng văn bản nhận nợ. Thời hạn vay 60 tháng. Mục đích vay để mua 1 máy đào hầm không nổ min hiệu Changlin theo HĐKT số 2017/HĐKT/LICOGI10-CC875 ngày 01/08/2017. Tài sản đảm bảo: Máy khai thác kiểu rung thwo HĐKT số 2017/HĐKT/LICOGI10-CC875 ngày 01/08/2017 giữa Công ty và Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Chính Công 875.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(vii) Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2

- Khoản vay các cá nhân với mục đích huy động vốn để Công ty triển khai đầu tư dự án xây dựng tòa nhà Văn phòng và căn hộ tại lô CT7 - khu đô thị Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, bên cho vay sẽ được đảm bảo quyền mua căn hộ của dự án. Thời hạn cho vay đến khi Công ty hoàn tất thủ tục lập hợp đồng mua bán căn hộ cho khách hàng tại dự án, lãi suất cho vay được tính theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam- chi nhánh Hạ Long. Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2020 là 25.813.544.400 đồng.

(viii) Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20

- Khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Tây Hà Nội. Lãi suất 9,5%/năm. Mục đích để đầu tư 02 dây chuyền máy khoan cọc nhồi phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2020 là 10.800.000.000 đồng

- Khoản vay huy động vốn cá nhân. Lãi suất áp dụng theo lãi suất của Ngân hàng BIDV. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Nguồn vay không có tài sản đảm bảo. Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2020 là 1.507.000.000 đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm trước	**900.000.000.000**	**117.558.651**	**(89.169.818.319)**	**75.950.358.181**	**2.083.295.470**	**(501.025.306.021)**	**96.549.548.552**	**484.505.636.514**
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(68.603.300.840)	4.591.421.476	(64.011.879.364)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	9.726.666.859	-	(23.209.755.195)	(14.575.437.617)	(28.058.525.953)
Tăng/Giảm khác	-	-	-	-	-	60.109	(59.109)	1.000
Tại ngày cuối năm trước	**900.000.000.000**	**117.558.651**	**(89.169.818.319)**	**85.677.025.040**	**2.083.295.470**	**(592.838.301.947)**	**86.565.473.302**	**392.435.232.197**
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	9.681.649.717	13.342.311.508	23.023.961.225
Trích quỹ đầu tư, phát triển	-	-	-	3.555.609.810	-	(3.555.609.810)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.109.712.866)	(864.010.949)	(5.973.723.815)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(4.816.638.600)	(4.816.638.600)
Tăng/ (giảm) khác	-	-	-	-	-	(261.976.589)	25.716.775	(236.259.814)
Tại ngày cuối năm	**900.000.000.000**	**117.558.651**	**(89.169.818.319)**	**89.232.634.850**	**2.083.295.470**	**(592.083.951.495)**	**94.252.852.036**	**404.432.571.193**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Số cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	40,71%	366.406.910.000	40,71%	366.406.910.000
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	35,00%	315.000.000.000	35,00%	315.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Gia Cường	19,24%	173.128.880.000	19,24%	173.128.880.000
Vốn góp của các cổ đông khác	5,05%	45.464.210.000	5,05%	45.464.210.000
Cộng	**100,0%**	**900.000.000.000**	**100,0%**	**900.000.000.000**

Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	*90.000.000*	*90.000.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	*90.000.000*	*90.000.000*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Tổng Công ty có trụ sở đặt tại nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội, đồng thời toàn bộ doanh thu và tài sản của Tổng Công ty kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 03 (ba) bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh Xây lắp; bộ phận kinh doanh hàng hóa Vật liệu xây dựng và bộ phận kinh doanh bất động sản và các hoạt động khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

	Hoạt động Xây lắp VND	Hoạt động kinh doanh hàng hóa Vật liệu xây dựng VND	Hoạt động kinh doanh bất động sản và các hoạt động khác VND	Tổng cộng các bộ phận VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	404.188.635.385	1.760.830.157.870	22.948.772.652	2.187.967.565.907	2.187.967.565.907
Chi phí bộ phận trực tiếp	377.416.247.102	1.535.363.487.599	8.736.194.693	1.921.515.929.394	1.921.515.929.394
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**26.772.388.283**	**225.466.670.271**	**14.212.577.959**	**266.451.636.513**	**266.451.636.513**
Tổng chi phí mua TSCĐ	14.410.745.420	-	-	14.410.745.420	14.410.745.420
Tài sản bộ phận	690.878.775.832	2.810.557.454.574	15.992.028.805	3.517.428.259.211	3.517.428.259.211
Tài sản không phân bổ	-	-	-	944.565.644.683	944.565.644.683
Tổng tài sản	**705.289.521.252**	**2.810.557.454.574**	**15.992.028.805**	**4.476.404.649.314**	**4.476.404.649.314**
Nợ phải trả bộ phận	747.585.656.585	3.256.824.300.495	42.445.956.588	4.046.855.913.668	4.046.855.913.668
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	10.705.419.033	10.705.419.033
Tổng nợ phải trả	**747.585.656.585**	**3.256.824.300.495**	**42.445.956.588**	**4.057.561.332.701**	**4.057.561.332.701**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**2.189.821.922.798**	**2.305.782.754.732**
Doanh thu bán hàng hóa, kinh doanh vật liệu xây dựng	1.762.684.514.761	1.325.119.320.515
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.496.758.608	21.685.322.595
Doanh thu hợp đồng xây dựng	404.188.635.385	821.163.935.722
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	16.368.014.044	137.418.161.355
Doanh thu hoạt động khác	84.000.000	396.014.545
Các khoản giảm trừ doanh thu	**1.854.356.891**	**462.199.218**
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Hàng bán bị trả lại	530.593.000	-
Giảm giá hàng bán	1.323.763.891	446.033.080
Chiết khấu thương mại	-	16.166.138
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**2.187.967.565.907**	**2.305.320.555.514**

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, vật liệu xây dựng	1.535.363.487.599	1.198.012.486.238
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.191.438.680	17.710.282.402
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	376.345.471.401	765.367.482.933
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	6.472.604.936	112.004.023.231
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.070.775.701	503.937.887
Giá vốn của hoạt động khác	72.151.077	385.963.791
Cộng	**1.921.515.929.394**	**2.093.984.176.482**

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	12.755.067.128	7.986.630.565
Cổ tức, lợi nhuận được chia	73.212.676.534	83.732.493.188
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	6.466.703	81.742.664
Doanh thu hoạt động tài chính khác	7.524.000	37.500.000
Cộng	**85.981.734.365**	**91.838.366.417**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi tiền vay	112.331.341.154	117.605.820.164
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	597.921.553
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	20.045.163	19.753.117
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	19.262.913	6.796.397
Dự phòng/ hoàn nhập tổn thất đầu tư	(2.174.058.400)	(19.911.405.092)
Chi phí tài chính khác	482.455.748	900.638.950
Cộng	**110.679.046.578**	**99.219.525.089**

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.486.148.857	3.089.038.759
Chi phí nhân công	29.809.171.242	24.326.834.634
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.542.772.173	1.207.019.280
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.825.308.310	8.177.364.176
Chi phí khác bằng tiền	23.053.295.808	17.981.047.836
Chi phí bảo hành	179.440.589	352.630.443
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	-	(68.409.711)
Cộng	**64.896.136.979**	**55.065.525.417**

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.484.944.744	8.172.857.103
Chi phí nhân công	90.181.641.712	103.669.835.272
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.809.798.113	7.717.757.443
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng	(421.128.100)	(530.835.369)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.743.798.794	7.372.277.390
Chi phí bằng tiền khác	23.561.744.659	53.784.872.190
Cộng	**169.360.799.922**	**180.186.764.029**

7. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	8.823.973.492	9.452.466.806
Tiền phạt thu được	2.723.569.273	439.449.829
Thu nhập từ chuyển nhượng Hợp đồng thuê đất	-	5.181.818.182
Thu nhập khác	6.848.507.329	3.977.473.080
Cộng	**18.396.050.094**	**19.051.207.897**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	821.321.752	283.258.840
Chi phí khấu hao tài sản cố định dừng hoạt động	18.035.886.073	19.763.053.888
Các khoản bị phạt	7.341.529.763	16.967.482.129
Các khoản chi khác	5.791.951.396	1.563.380.810
Cộng	**31.990.688.984**	**38.577.175.667**

9. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10 (Licogi 10)	49.883.406	67.790.779
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	2.538.021.764	1.561.830.643
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)	-	191.872.601
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Tư vấn Licogi	308.088	5.838.888
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	1.263.582.170	4.340.173.822
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Nhà ở đô thị Licogi	15.694.621	39.254.240
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	7.474.184.849	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	209.844.944	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Licogi 17	-	129.843.038
Cộng	**11.551.519.842**	**6.336.604.011**

10. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế	9.681.649.717	(68.603.300.840)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.681.649.717	(68.603.300.840)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	90.000.000	90.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**108**	**(762)**

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Licogi 14	Công ty liên kết
Công ty CP Licogi 19	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bình Long	Công ty liên kết
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8	Công ty liên kết
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	Công ty liên doanh
Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và các cổ đông lớn	Điều hành Công ty

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu	-	**87.272.727**
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	-	87.272.727
Mua hàng hóa, dịch vụ	**4.545.454.544**	**4.545.454.544**
Công ty CP Đầu tư xây lắp và VLXD Đông Anh 8	4.545.454.544	4.545.454.544
Thu lãi vay	-	**1.218.386.000**
Công ty CP Đầu tư xây lắp và VLXD Đông Anh 8	-	1.218.386.000
Cổ tức lợi nhuận được chia	**76.921.190.000**	**82.331.746.517**
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	74.546.190.000	72.589.784.067
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Long	2.375.000.000	5.375.000.000
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	-	4.366.962.450
Các khoản đi vay	**22.143.197.156**	**190.950.000.000**
Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh và BĐS Khu Đông	22.143.197.156	190.950.000.000
Các khoản trả gốc vay	**80.750.000.000**	-
Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh và BĐS Khu Đông	80.750.000.000	-

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	**4.804.043.818**	**4.804.043.818**
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	4.804.043.818	4.804.043.818
Trả trước cho người bán	**3.695.789.577**	**3.695.789.577**
Công ty CP Licogi 19	3.695.789.577	3.695.789.577
Phải thu về cho vay	**11.733.740.010**	**12.553.740.010**
Công ty CP Đầu tư xây lắp và VLXD Đông Anh 8	11.733.740.010	12.553.740.010
Phải thu khác	**4.604.927.912**	**4.628.746.912**
Công ty CP Licogi 19	4.337.712.455	4.337.712.455
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	457	457
Công ty CP Đầu tư xây lắp và VLXD Đông Anh 8	267.215.000	291.034.000
Phải trả người bán ngắn hạn	**2.682.899.716**	**1.432.899.716**
Công ty CP Licogi 14	1.432.899.716	1.432.899.716
Công ty CP Đầu tư xây lắp và VLXD Đông Anh 8	1.250.000.000	1.250.000.000
Vay và nợ tài chính	**249.683.197.156**	**308.290.000.000**
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	249.683.197.156	308.290.000.000
Phải trả khác	**60.000.000.000**	**60.625.000.000**
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bình Long	-	625.000.000

Thu nhập, thù lao và các khoản phụ cấp của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
	1.276.000.000	**1.565.500.000**
Thù lao, phụ cấp của các thành viên Hội đồng Quản trị		
1. Đinh Việt Tùng	128.000.000	216.000.000
2. Ưng Tiến Đỗ	344.000.000	314.000.000
3. Phan Thanh Hải	368.000.000	368.000.000
4. Nguyễn Thanh Hợp	92.000.000	261.500.000
5. Nguyễn Danh Quân	344.000.000	290.000.000
6. Hoàng Quốc Quân	-	116.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	**1.224.000.000**	**1.434.000.000**
1. Phan Thanh Hải	360.000.000	360.000.000
2. Phan Đức Hùng	308.000.000	308.000.000
3. Phan Lan Anh	308.000.000	308.000.000
4. Lê Khắc Duy	248.000.000	308.000.000
5. Nguyễn Danh Quân	-	150.000.000
Cộng	**2.500.000.000**	**2.999.500.000**

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP
Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng Công ty ký hợp đồng với Sở Địa chính – Nhà đất Hà Nội theo hợp đồng thuê đất số 146-2003/ĐCNĐ-HĐTĐTN tại nhà G1, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, quận Thanh Xuân, Hà Nội với mục đích làm trụ sở làm việc và điều hành sản xuất trong 30 năm từ ngày 01/01/2003. Diện tích khu đất thuê là 1.928 m2. Theo hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà Nước.

Ngoài ra, Các đơn vị thành viên của Tổng Công ty ký hợp đồng thuê đất để sử dụng với mục đích làm văn phòng, nhà xưởng sản xuất. Theo các hợp đồng này, các đơn vị thành viên phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. KIỆN TỤNG, TRANH CHẤP PHÁP LÝ

Trong năm 2012, Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô ("Công ty Lũng Lô") đã khởi kiện Tổng Công ty liên quan đến khoản tiền mà Công ty Lũng Lô đã ứng trước cho Tổng Công ty để thực hiện dự án đề chắn sóng Nhà máy lọc dầu Dung Quất theo Hợp đồng số 08.1/HĐKT-LCC-Licogi.

Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã Quyết định theo bản án số 101/2018/KDTM-PT ngày 14 tháng 08 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng xây dựng, Tổng Công ty phải hoàn trả Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô 19.206.866.091 đồng tiền tạm ứng thừa và 12.656.798.538 đồng tiền lãi chậm trả. Ngày 23 tháng 01 năm 2019, Tổng Công ty có đơn đề nghị xem xét bản án theo thủ tục Giám đốc thẩm và hoãn thi hành án. Đơn đề nghị đã được chấp thuận theo quyết định số 02/QĐ-CCTHADS ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân và giấy biên nhận đơn đề nghị xem xét lại bản án kinh doanh thương mại của Tòa án nhân dân Thành Phố Hà Nội ngày 25 tháng 04 năm 2019.

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty đang ghi nhận khoản phải trả cho Công ty Lũng Lô là 30.707.123.540 đồng. Tổng Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh các khoản phải trả này vào Báo cáo tài chính hợp nhất khi có quyết định cuối cùng của tòa án.

4. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Lê Thị Thanh Nội	**Nguyễn Anh Dũng**	**Phan Thanh Hải**
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
		Ngày 05 tháng 04 năm 2021

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Địa chỉ: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam,
quận Thanh Xuân, Hà Nội
Số điện thoại: + 84 024 38542365
Số fax: + 84 024 38542655
Website: http://www.licogi.com.vn/